

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP  
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KHU CÔNG  
NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN**

**GVHD: NGUYỄN THỊ TINH ẬU  
SVTH: PHAN LÂM TUẤN  
MSSV: 15150145**



**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 7/2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**



**HCMUTE**

## **ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

# **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN**

**GVHD: TS. NGUYỄN THỊ TỊNH ẬU**

**SVTH: PHAN LÂM TUẤN**

**MSSV: 15150145**

# LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được đồ án tốt nghiệp về đề tài “*Thực trạng và giải pháp về công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An*”, tôi đã nhận được sự hướng dẫn tận tình của thầy hướng dẫn, sự giúp đỡ nhiệt tình của nhiều cơ quan, đoàn thể và cá nhân.

Tôi xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và kính trọng đến Tiến sĩ Nguyễn Thị Tịnh Áu là giáo viên hướng dẫn khoa học đã giúp đỡ tôi từ những ý tưởng đầu tiên đến suốt quá trình nghiên cứu thực hiện đồ án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, tập thể thầy cô giáo Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Môi trường, Khoa công nghệ hóa và thực phẩm, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM đã quan tâm giúp đỡ trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu đề tài.

Tôi xin chân thành cảm ơn Văn phòng Sở, Phòng Quản lý Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập tài liệu, số liệu phục vụ thực hiện đồ án.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo và tập thể cán bộ Thanh tra viên của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An mà đặc biệt là Thạc sỹ Huỳnh Phước Hậu đã hướng dẫn giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài.

Đặc biệt là gia đình, bạn bè luôn bên cạnh giúp đỡ, động viên, ủng hộ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu, đó là động lực để tôi phấn đấu hoàn thành đồ án tốt nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

*Tân An, ngày 25 tháng 07 năm 2019*  
*Tác giả*

Phan Lâm Tuấn

# TÓM TẮT

Long An là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, phía Đông giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh, phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia, phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp và phía Nam giáp tỉnh Tiền Giang. Năm 2008, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Long An là một trong 8 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hiện tại toàn tỉnh có 28 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam năm 2015 và định hướng đến năm 2020 với tổng diện tích là 10.557,84 ha. Tuy nhiên hiện chỉ có 16 KCN đang hoạt động, có 40 chủ đầu tư hạ tầng; trong tổng số 28 KCN, có 02 KCN do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm chủ đầu tư, 25 KCN đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với diện tích 8.183,65 ha, tổng vốn đầu tư 13 triệu USD và 36.987,87 tỷ đồng.

Một tỉnh có 28 KCN rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, tạo việc làm, giảm thất nghiệp, nâng cao đời sống của người dân. Bên cạnh đó cũng là thách thức nền công nghiệp phải đi đôi với phát triển bền vững. Trước tình hình đó công tác bảo vệ môi trường được hết sức chú trọng cũng là thách thức, trách nhiệm to lớn của cơ quan có thẩm quyền. Vì thế công tác thanh tra, kiểm tra môi trường trên địa bàn tỉnh luôn được thực hiện quyết liệt.

Đề tài sử dụng phương pháp thu thập thông tin và phương pháp tổng hợp, phân tích, đánh giá để xác định độ tin cậy của số liệu. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp tham vấn chuyên gia, tham gia trực tiếp để có một cái nhìn khách quan nhất về công tác bảo vệ môi trường của cán bộ có thẩm quyền.

# LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là Phan Lâm Tuấn là sinh viên khóa K15 chuyên ngành Công Nghệ Môi Trường, mã số sinh viên: 15150145. Tôi xin cam đoan: đồ án tốt nghiệp này là công trình nghiên cứu khoa học thực sự của bản thân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của Tiến sĩ Nguyễn Thị Tịnh Âu.

Các thông tin tham khảo trong đề tài này được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy, đã được kiểm chứng, được công bố rộng rãi và được tôi trích dẫn nguồn gốc rõ ràng ở phần Danh mục tài liệu tham khảo. Các kết quả nghiên cứu trong đề án này là do chính tôi thực hiện một cách nghiêm túc, trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác.

Tôi xin được lấy danh dự và uy tín của bản thân để đảm bảo cho lời cam đoan này.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2019

Sinh viên thực hiện

Phan Lâm Tuấn

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	iii
<b>TÓM TẮT</b> .....	iv
<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	v
<b>DANH SÁCH CÁC BẢNG</b> .....	xi
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	xii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Ý nghĩa của đề tài.....	2
6. Nội dung nghiên cứu .....	2
7. Phương pháp nghiên cứu.....	3
7.1. Phương pháp luận: .....	3
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN</b> .....	5
1.1. Những vấn đề chung về bảo vệ môi trường .....	5
1.1.1. Các khái niệm có liên quan: .....	5
1.1.2. Nguyên tắc bảo vệ môi trường .....	7
1.1.3. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường .....	8
1.1.4. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường .....	9

1.1.5. Các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.....	10
1.2. Những vấn đề chung về thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực bảo vệ môi trường: ..	11
1.2.1. Khái niệm kiểm tra, thanh tra .....	11
1.2.2 Sự khác nhau giữa thanh tra, kiểm tra: .....	12
1.2.3. Mối quan hệ qua lại giữa kiểm tra và thanh tra: .....	13
1.3. Những vấn đề chung về xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường .....	13
1.3.1. Các khái niệm có liên quan .....	13
1.3.2. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính .....	14
1.3.3. Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	15
1.3.4. Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường. ....	16
1.4. Quy định chung về bảo vệ môi trường KCN .....	18
1.5. Quy định chung về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ [7] .....	18
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>20</b>
2.1. Đánh giá công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An. 20	
2.1.1. Sơ nét về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An .....	20
2.1.2. Đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An. ....	25
<b>CHƯƠNG 3: HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KCN .....</b>	<b>51</b>

3.1 Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.....	51
3.1.1 Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường .....	51
3.1.2. Trình tự thủ tục thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường .....	53
3.1.3 Thực tế kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại một số doanh nghiệp.....	56
3.2 Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	66
3.2.1 Khái quát những kết quả tích cực .....	66
3.2.2. Khái quát các tồn tại, hạn chế .....	67
3.2.3 Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế .....	69
3.3 Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An. ....	70
3.3.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường.....	70
-3.5.3. Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp.....	73
3.5.4. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hành chính.....	74
3.5.5. Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ xanh đảm bảo cho phát triển bền vững .....	74
<b>KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ</b> .....	76
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	77



# DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình a: Mô hình phương pháp luận nghiên cứu.....	3
Hình 1.1: Sơ đồ các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường .....	11
Hình 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An .....	21
Hình 2.2: Biểu đồ nồng độ bụi xung quanh các KCN năm 2018.....	32
Hình 2.3: Biểu đồ nồng độ SO <sub>2</sub> xung quanh các KCN năm 2018 .....	32
Hình 2.4: Biểu đồ nồng độ NO <sub>2</sub> xung quanh các KCN 2015-2018.....	33
Hình 2.5: Biểu đồ nồng độ CO xung quanh các KCN 2015-2018.....	33
Hình 2.6: Biểu đồ mức ồn xung quanh các KCN 2015-2018.....	34
Hình 2.7: Biểu đồ diễn biến kim loại nặng năm 2018 .....	36
Hình 2.8 : Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Thuận Đạo năm 2015-2018.....	40
Hình 2.9 : Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Long Hậu năm 2016-2018.....	40
Hình 2.10: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Đức Hòa năm 2016-2018 .....	41
Hình 2.11: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Cầu Tràm năm 2015-2018.....	41
Hình 2.12 : Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Xuyên Á năm 2015-2018 .....	42
Hình 2.13: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Tân Đức từ năm 2017-2018 .....	42
Hình 2.14: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Hải Sơn từ năm 2015-2018 .....	43
Hình 2.15: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Thái Hòa năm 2015-2018.....	43
Hình 2.16: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Anh Hồng năm 2015-2018.....	44
Hình 2.17: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Việt Hóa năm 2016-2018 .....	44
Hình 2.18: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Nhựt Chánh (2015-2018).....	45
Hình 2.19: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Phú An Thạnh(2015-2018).....	46
Hình 2.20: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Phúc Long năm 2016-2018 .....	46

Hình 2.21: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Thịnh Phát (2015-2018).....	47
Hình 2.22: Biểu đồ thất thải rắn tại các KCN năm 2018.....	49
Hình 2.23: Biểu đồ chất thải rắn nguy hại tại các KCN năm 2018 .....	50

# DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Danh sách các KCN trên địa bàn tỉnh Long An .....	27
Bảng 2.2: Tổng hợp nguồn lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.....	28
Bảng 2.3: thống kê kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2015-2018 .....	31
Bảng 2.4: Hàm lượng kim loại nặng trong đất tại các KCN năm 2018.....	36
Bảng 2.5: Tổng hợp tình hình quản lý nước thải tại các KCN tỉnh Long An .....	38
Bảng 2.6: Khối lượng chất thải phát sinh và số lượng đơn vị được cấp Sổ chủ nguồn thải CTNH tại các KCN năm 2018.....	48
Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường từ 2015 – 2019. ....	52
Bảng 3.2: Các hình thức vi phạm trong công tác thanh tra, kiểm tra .....	52

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT: Bộ Tài nguyên và Môi trường

BVMT: Bảo vệ môi trường

CTNH: Chất thải nguy hại

DTM: Đánh giá tác động môi trường.

KCN: Khu công nghiệp

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

# **CHƯƠNG MỞ ĐẦU**

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Môi trường là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, của sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, của dân tộc và toàn nhân loại. Nước ta đã và đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh hiện đại hóa, công nghiệp hoá công cuộc phát triển kinh tế đó đã tạo đề cho sự gia tăng không ngừng trên mọi lĩnh vực của đời sống, từ khoa học công nghệ, các ngành công nghiệp, đến đời sống dịch vụ, nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, sự tăng trưởng đó luôn tỷ lệ thuận với sức ép về các vấn đề môi trường.

Từ khi Đảng và Nhà nước ta ban hành chủ trương và pháp luật về bảo vệ môi trường cho đến nay chúng ta đã triển khai thực hiện rộng khắp trong cả nước, chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế xã hội ngày càng chú ý hơn đến công tác bảo vệ môi trường. Nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường trong cộng đồng, trong xã hội ngày càng được nâng cao. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được lồng ghép trở thành một điều kiện quan trọng không thể thiếu trong việc xây dựng các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất, trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới phát triển bền vững, giúp chúng ta thu được nhiều thành tựu trong công tác bảo vệ môi trường, bước đầu hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm khắc phục suy thoái phục hồi và cải thiện môi trường. Tuy nhiên, sau nhiều năm thực hiện vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường, đã có tác động tiêu cực đến sức khoẻ đời sống của nhân dân. Đó là lí do tôi chọn đề tài ***“Thực trạng và giải pháp về công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An”*** làm đề tài cho đồ án tốt nghiệp cuối khóa.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá đúng thực trạng công tác quản lí Nhà nước về môi trường của cơ quan có thẩm quyền và đề xuất giải pháp góp phần giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường

làm tiền đề thực tiễn cho các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Long An nhằm cải thiện môi trường và đảm bảo phát triển bền vững.

### **3. Đối tượng nghiên cứu**

Công tác bảo vệ môi trường đối với các đơn vị hoạt động sản xuất trong các KCN trên địa bàn tỉnh Long An

### **4. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi không gian: Các KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Long An.
- Phạm vi thời gian: Giai đoạn 2015 đến tháng 06/2019
- Phạm vi về nội dung nghiên cứu: Đề tài chỉ nghiên cứu về công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, không nghiên cứu về công nghệ và quy trình kỹ thuật trong xử lý các chất thải phát sinh.

### **5. Ý nghĩa của đề tài**

Góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.

### **6. Nội dung nghiên cứu**

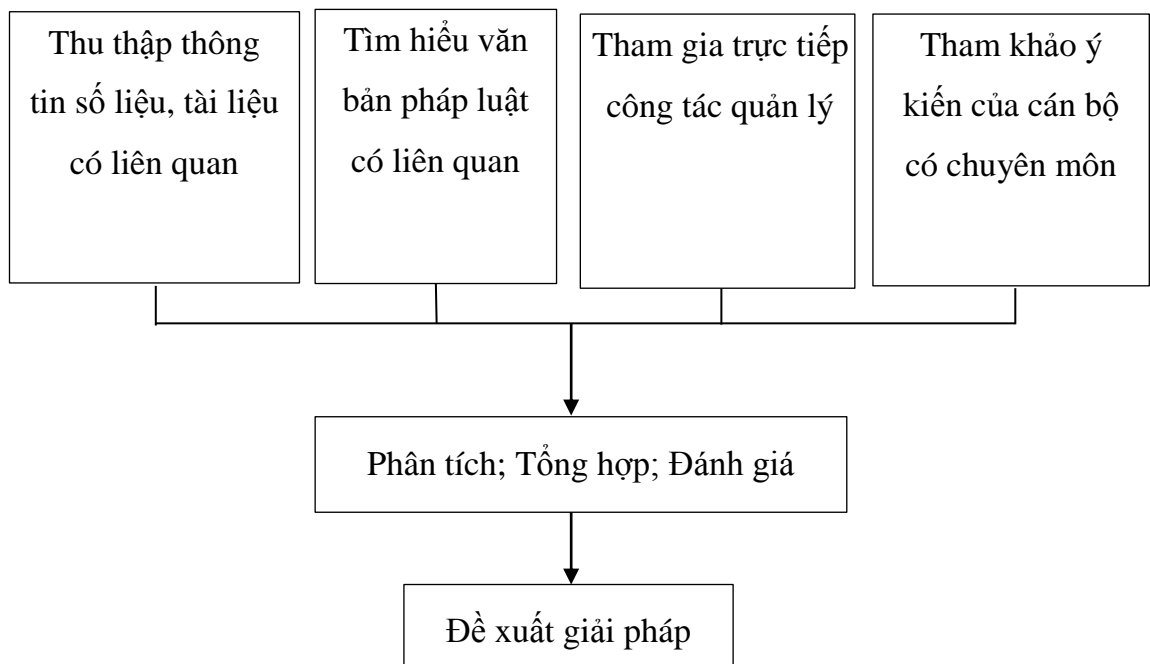
- Đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.
- Đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.
- Xác định những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của các tồn tại hạn chế về công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.
- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.

## 7. Phương pháp nghiên cứu

### 7.1. Phương pháp luận:

Phương pháp tiếp cận chủ yếu dựa vào kết quả khảo sát, thu thập những thông tin, tài liệu, số liệu có liên quan đến thực trạng bảo vệ môi trường tại các KCN và thực trạng công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An. Từ kết quả điều tra thực trạng, học viên tiến hành tham khảo các ý kiến chuyên gia và đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan tiến hành đánh giá thực trạng công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An, xác định những tồn tại hạn chế và đề xuất các giải pháp quản lý trong thời gian tới.

Nhìn chung, phương pháp luận của đề tài là một chuỗi logic các hoạt động có liên quan từ kết quả thu thập dữ liệu đầu vào sau đó tổng hợp, so sánh phân tích đánh giá và cuối cùng là cho ra giải pháp ở dữ liệu đầu ra.



**Hình a: Mô hình phương pháp luận nghiên cứu**



### **7.1.1. Phương pháp thu thập thông tin:**

Thu thập tổng hợp các nguồn tài liệu, tư liệu, số liệu, các văn bản sẵn có từ Phòng Quản lý môi trường và Thanh tra Sở trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An; các số liệu tài liệu có liên quan từ Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, cụ thể như: Thu thập các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường; Thu thập thông tin từ các báo cáo hiện trạng môi trường năm 2017, 2018 và 06 tháng đầu năm 2019 của tỉnh Long An; các báo cáo giám sát môi trường định kỳ của các KCN trên địa bàn tỉnh; báo cáo kết quả quản lý Nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An... Ngoài ra còn tham khảo các nguồn tài liệu, thông tin từ mạng Internet...

### **7.1.2. Phương pháp kế thừa:**

Kế thừa có chọn lọc các nghiên cứu có liên quan của các học viên đã tham gia thực tập trước đây tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An

### **7.1.3. Phương pháp tham gia trực tiếp:**

Trực tiếp tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn, cùng các anh chị trong Thanh tra Sở báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý một vụ việc cụ thể để đúc kết kinh nghiệm đối với công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

### **7.1.4. Phương pháp tham vấn chuyên gia:**

Trao đổi, phỏng vấn trực tiếp cán bộ của Phòng Quản lý môi trường, các Thanh tra viên làm công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để tìm hiểu và xác định những vấn đề còn hạn chế về công tác bảo vệ môi trường từ đó tham khảo và định hướng những nội dung cần đề xuất nội dung cần phải khắc phục trong thời gian tới.

### **7.1.5. Phương pháp tổng hợp, phân tích, đánh giá:**

Trên cơ sở các thông tin, tài liệu có liên quan kết hợp với kết quả tham gia trực tiếp vào quá trình quản lý và tham khảo ý kiến của các chuyên gia, luận văn có đánh giá tổng quan nhất về thực trạng công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh, chỉ ra những tồn tại hạn chế và xác định nguyên nhân làm cơ sở cho đề xuất các giải pháp thực hiện.

## **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN**

### **1.1. Những vấn đề chung về bảo vệ môi trường**

#### **1.1.1. Các khái niệm có liên quan:[1]**

*Môi trường* là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

*Hoạt động bảo vệ môi trường* là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

*Phát triển bền vững* là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

*Quy chuẩn kỹ thuật môi trường* là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các

yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường.

*Tiêu chuẩn môi trường* là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được các cơ quan nhà nước và các tổ chức công bố dưới dạng văn bản tự nguyện áp dụng để bảo vệ môi trường.

*Ô nhiễm môi trường* là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.

*Suy thoái môi trường* là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.

*Chất gây ô nhiễm* là các chất hóa học, các yếu tố vật lý và sinh học khi xuất hiện trong môi trường cao hơn ngưỡng cho phép làm cho môi trường bị ô nhiễm.

*Chất thải* là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

*Chất thải nguy hại (CTNH)* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

*Quản lý chất thải* là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

*Sức chịu tải của môi trường* là giới hạn chịu đựng của môi trường đối với các nhân tố tác động để môi trường có thể tự phục hồi.

*Kiểm soát ô nhiễm* là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm.

*Hồ sơ môi trường* là tập hợp các tài liệu về môi trường, tổ chức và hoạt động bảo vệ môi trường của cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ theo quy định của pháp luật.

*Quan trắc môi trường* là quá trình theo dõi có hệ thống về thành phần môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường.

*Đánh giá tác động môi trường (DTM)* là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.

*Sự cố môi trường* là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái hoặc biến đổi môi trường nghiêm trọng.

### **1.1.2. Nguyên tắc bảo vệ môi trường [1].**

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

- Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

- Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

- Bảo vệ môi trường quốc gia gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu; bảo vệ môi trường bảo đảm không phương hại chủ quyền, an ninh quốc gia.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **1.1.3. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường [1].**

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để xây dựng kỷ cương và văn hóa bảo vệ môi trường.

- Bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

- Ưu tiên xử lý vấn đề môi trường bức xúc, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ô nhiễm môi trường nguồn nước; chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách với tỷ lệ tăng dần theo tăng trưởng chung; các nguồn kinh phí bảo vệ môi trường được quản lý thống nhất và ưu tiên sử dụng cho các lĩnh vực trọng điểm trong bảo vệ môi trường.

- Ưu đãi, hỗ trợ về tài chính, đất đai cho hoạt động bảo vệ môi trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

- Phát triển khoa học, công nghệ môi trường; ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường; áp dụng tiêu chuẩn môi trường đáp ứng yêu cầu tốt hơn về bảo vệ môi trường.

- Gắn kết các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên với ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường.

- Nhà nước ghi nhận, tôn vinh cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường.

- Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

#### **1.1.4. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường [1].**

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc; định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường.

- Xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM và kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường; tổ chức xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải thiện và phục hồi môi trường.

- Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về môi trường.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đào tạo nhân lực khoa học và quản lý môi trường; giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

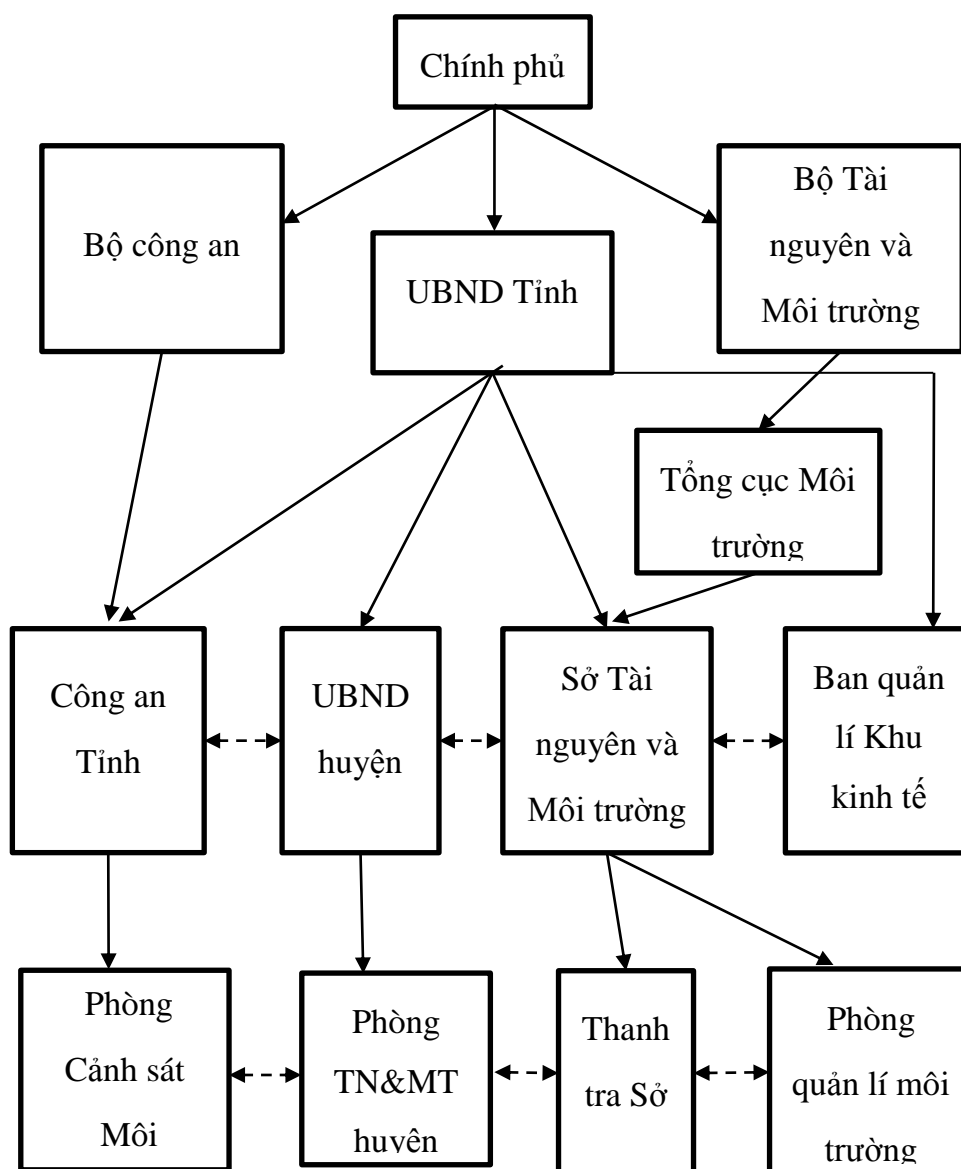
#### **1.1.5. Các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường**

- Chính phủ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước.

- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường theo chức năng nhiệm vụ được giao, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chính phủ và UBND cấp trên trực tiếp về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn quản lý.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, cán bộ công chức phục trách môi trường cấp xã là những tổ chức, cá nhân thực hiện chức năng tham mưu giúp UBND cùng cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo địa bàn và lĩnh vực do mình quản lý



**Hình 1.1: Sơ đồ các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường**

## **1.2. Những vấn đề chung về thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực bảo vệ môi trường:**

### **1.2.1. Khái niệm kiểm tra, thanh tra [2]**

Thanh tra, kiểm tra là những khái niệm được sử dụng rộng rãi trong công tác quản lý. Tuy nhiên, có nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau về các khái niệm này.

\* **Khái niệm kiểm tra:** Theo từ điển tiếng Việt thì "kiểm tra là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét". Dưới góc độ quản lý hành chính nhà nước, kiểm tra



hành chính còn được định nghĩa như sau: “Kiểm tra hành chính là một chức năng của hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước và người có thẩm quyền nhằm đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của đối tượng kiểm tra, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, những thiếu sót trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, qua đó áp dụng những biện pháp xử lý, khắc phục những thiếu sót nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước”. Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau về kiểm tra nhưng suy cho cùng mục đích của kiểm tra là phát hiện hoặc phòng ngừa những vi phạm, góp phần thúc đẩy và hoàn thành nhiệm vụ trong hoạt động quản lý nhà nước. Từ đó tạo điều kiện cho hoạt động thực hiện đúng hướng.[3]

\* **Khái niệm thanh tra:** Theo Từ điển tiếng Việt phổ thông, thanh tra là: “kiểm soát xem xét tại chỗ việc làm của địa phương, cơ quan, xí nghiệp”. Với nghĩa này, thanh tra bao hàm việc kiểm soát, xem xét và phát hiện ngăn chặn những gì trái với quy định. Thanh tra là hoạt động của một chủ thể có thẩm quyền: Người làm nhiệm vụ thanh tra, đoàn thanh tra và đặt trong phạm vi quyền hành của một chủ thể nhất định. Thanh tra là một chức năng không thể thiếu của hoạt động quản lý, là một khâu của chu trình quản lý của Nhà nước. [2]

### 1.2.2 Sự khác nhau giữa thanh tra, kiểm tra:

\* **Khác nhau về nội dung:** Nội dung kiểm tra thường đơn giản và dễ dàng nhận thấy, ngược lại nội dung thanh tra thường đa dạng, phức tạp hơn. Tuy nhiên, sự phân biệt này chỉ có ý nghĩa tương đối vì trên thực tế có những vụ, việc kiểm tra không hoàn toàn đơn giản. Bởi vậy, một vấn đề thuộc về kiểm tra hay thanh tra cần căn cứ vào nội dung vụ, việc cụ thể để xác định.

\* **Khác nhau về chủ thể:** Chủ thể của hoạt động thanh tra, trước hết là tổ chức thanh tra " chuyên nghiệp" của nhà nước. Ngoài ra, khi cần thiết, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định thành lập đoàn thanh tra. Chủ thể của kiểm tra đa dạng hơn so với chủ thể của thanh tra. Chủ thể tiến hành kiểm tra có thể là Nhà nước hoặc cũng có thể là một chủ thể phi nhà nước, chẳng hạn như hoạt động kiểm tra trong nội bộ một doanh nghiệp: Kiểm tra của Giám đốc đối với các phòng ban, kiểm tra của

quản đốc đối với người lao động. Vì vậy nội dung kiểm tra đa dạng và hoạt động thường xuyên rộng khắp nên chủ thể của kiểm tra rất rộng và đa dạng.

\* ***Khác nhau về phạm vi hoạt động:*** Phạm vi hoạt động thanh tra thường hạn hẹp hơn hoạt động kiểm tra. Hoạt động thanh tra thường có sự chọn lọc, đôi khi thông qua hoạt động kiểm tra có thể thấy những dấu hiệu phức tạp mà nếu cứ tiến hành kiểm tra thì không làm rõ được, bởi vậy, cần chọn ra những vấn đề để thanh tra.

\* ***Khác nhau về trình tự, thủ tục, thẩm quyền:*** Trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiến hành thanh tra do luật định, ngược lại đối với công tác kiểm tra luật không quy định.

### **1.2.3. Mối quan hệ qua lại giữa kiểm tra và thanh tra:**

Thanh tra và kiểm tra tuy có sự phân biệt nhưng chỉ là tương đối. Khi tiến hành cuộc thanh tra, thường phải tiến hành nhiều thao tác nghiệp vụ, thao tác nghiệp vụ đó thực chất là kiểm tra. Ngược lại, đôi khi tiến hành kiểm tra để làm rõ vụ, việc lại chọn lựa được nội dung thanh tra.

Kiểm tra và thanh tra là hai khái niệm khác nhau nhưng có liên hệ qua lại, gắn bó. Do vậy, khi nói đến một khái niệm người ta thường nhắc đến cả cặp với tên gọi kiểm tra, thanh tra hay thanh tra, kiểm tra.

## **1.3. Những vấn đề chung về xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường**

### **1.3.1. Các khái niệm có liên quan [4]**

*Vi phạm hành chính* là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

*Xử phạt vi phạm hành chính* là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

*Tái phạm* là việc cá nhân, tổ chức đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định này mà lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính đã bị xử lý.

*Vi phạm hành chính nhiều lần* là trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính này nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý.

*Vi phạm hành chính có tổ chức* là trường hợp cá nhân, tổ chức câu kết với cá nhân, tổ chức khác để cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

*Giấy phép, chứng chỉ hành nghề* là giấy tờ do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp cho cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật để cá nhân, tổ chức đó kinh doanh, hoạt động, hành nghề hoặc sử dụng công cụ, phương tiện. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề không bao gồm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ gắn với nhân thân người được cấp không có mục đích cho phép hành nghề.

### **1.3.2. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính [4]**

- Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

- Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật;

- Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;

- Chỉ xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.

+ Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

+ Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó.

+ Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm;

- Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính;

- Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

### **1.3.3. Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường [4]**

- *Hình thức xử phạt chính*: Cảnh cáo và Phạt tiền.

- *Hình thức xử phạt bổ sung*: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

- *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

\* *Nguyên tắc áp dụng*: Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính. Chỉ được áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng với hành vi vi phạm bị xử phạt theo quy định cụ thể quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành.

#### **1.3.4. Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường. [5]**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 5.000.000 đồng; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 50.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn thuộc thẩm quyền; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 500.000 đồng; Trạm trưởng, Đội trưởng của lực lượng công an nhân có quyền: Phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

- Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 2.500.000 đồng; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 2.500.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát môi trường và Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 25.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn thuộc thẩm quyền; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 50.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Thanh tra viên chuyên ngành bảo vệ môi trường, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 500.000 đồng; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 50.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm thuộc Tổng cục Môi trường và chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 250.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 250.000.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

- Chánh thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường và chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng; Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định.

#### **1.4. Quy định chung về bảo vệ môi trường KCN [6]**

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý khu kinh tế Long An và các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tổ chức kiểm tra hoạt động về bảo vệ môi trường; báo cáo về hoạt động bảo vệ môi trường tại KCN theo quy định của pháp luật.

- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN phải bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Quy hoạch các khu chức năng, các loại hình hoạt động phải phù hợp với các hoạt động bảo vệ môi trường;

+ Đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; có thiết bị đo lưu lượng nước thải;

+ Bố trí bộ phận chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

#### **1.5. Quy định chung về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ [7]**

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau:

+ Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

+ Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật;

+ Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động;

+ Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;

+ Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường.

- Cơ sở sản xuất hoặc kho tàng thuộc các trường hợp sau phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư:

+ Có chất dễ cháy, dễ nổ; Có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh; Có chất độc hại đối với người và sinh vật;

+ Phát tán bụi, mùi, tiếng ồn ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người; Gây ô nhiễm nguồn nước.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh lượng chất thải lớn, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường phải có bộ phận chuyên môn hoặc nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường; phải được xác nhận hệ thống quản lý môi trường theo quy định của Chính phủ.



## **CHƯƠNG 2:**

# **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG**

### **2.1. Đánh giá công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.**

#### **2.1.1. Sơ nét về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An**

##### **2.1.1.1. Lịch sử hình thành:**

Sở Tài nguyên và Môi trường Long An được thành lập theo Quyết định số 2308/QĐ-UB ngày 27/06/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An trên cơ sở hợp nhất Sở Địa chính và các chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Địa chỉ trụ sở đặt tại số 137, Quốc lộ 1, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

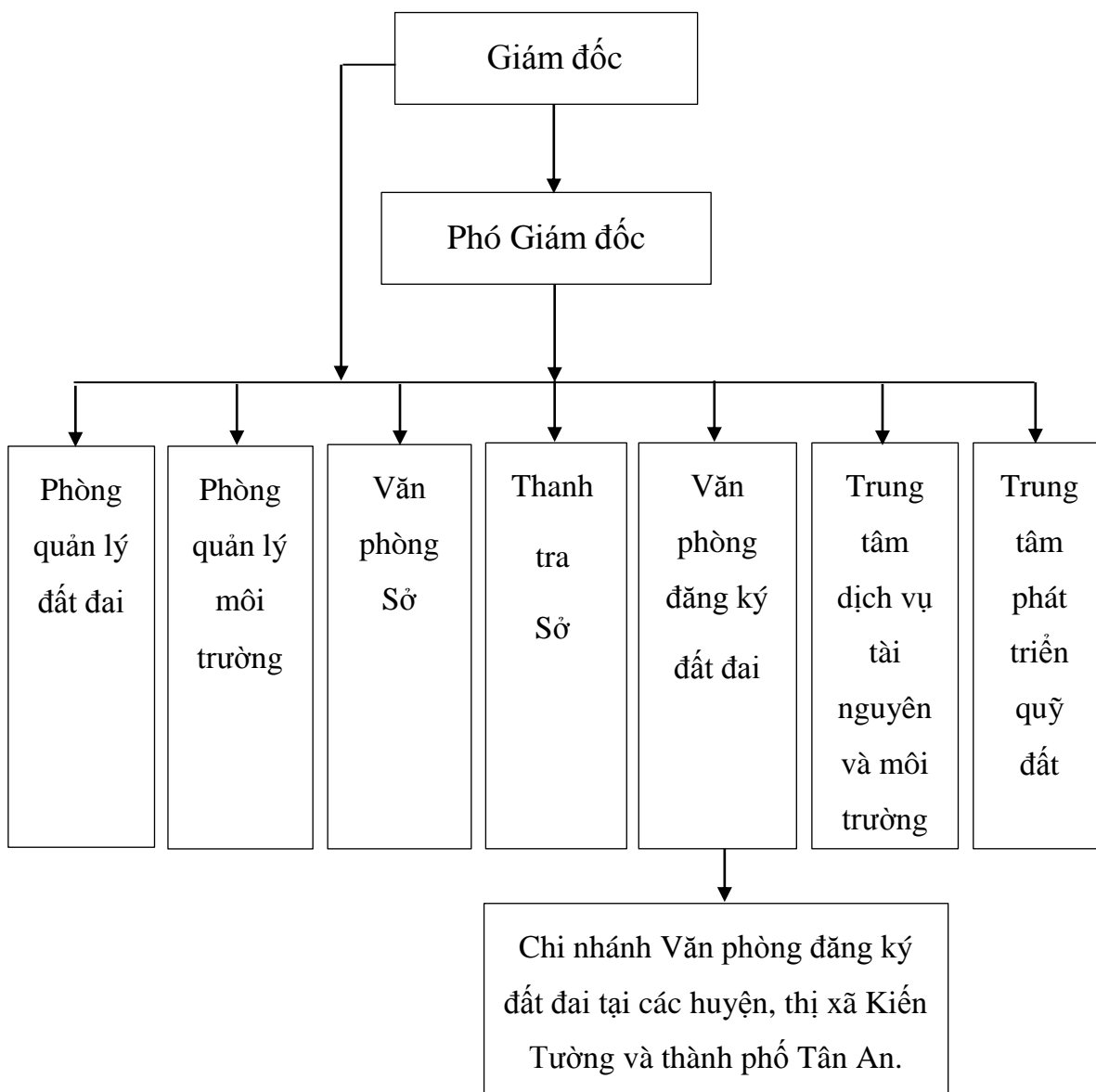
##### **2.1.1.2. Vị trí, chức năng:**

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bao gồm: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; thực hiện các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

Sở Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.1.1.3. Cơ cấu tổ chức

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có 558 người (62 công chức, 496 viên chức và lao động) với 05 đơn vị tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ gồm: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Khoáng sản, tài nguyên Nước và khí tượng thủy văn; Phòng Quản lý môi trường và Phòng Quản lý đất đai và 03 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn về nguồn kinh phí hoạt động gồm: Trung tâm Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng Đăng ký đất đai.[8]



**Hình 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An**

#### **2.1.1.4. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Sở: [8]**

##### **\* Văn phòng sở:**

Văn phòng Sở có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở về công tác thông tin, tổng hợp, điều phối hoạt động của Sở theo chương trình, kế hoạch công tác; các công tác trong nội bộ cơ quan Sở, gồm: tổ chức cán bộ; cải cách hành chính; văn thư, lưu trữ; thi đua – khen thưởng; ISO, công nghệ thông tin; tài chính, tài sản, kế toán và hành chính quản trị; giáo dục pháp luật, pháp chế; an ninh.

##### **\* Thanh tra sở:**

Giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về tất cả các lĩnh vực chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có con dấu riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh Long An.

Nhân sự của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An gồm có: Chánh Thanh tra; 02 Phó Chánh Thanh tra; 07 thanh tra viên;

##### **\* Phòng Quản lý môi trường:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Nhân sự của Phòng Quản lý môi trường tỉnh Long An gồm có: Trưởng phòng; 02 Phó trưởng phòng; 10 chuyên viên; 03 cán bộ hợp đồng.

**\* *Phòng Khoáng sản tài nguyên nước và khí tượng thủy văn:***

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam, Tổng cục Khí tượng thủy văn, Cục Quản lý Tài nguyên nước, Cục biến đổi khí hậu và đơn vị có chức năng liên quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**\* *Phòng Quản lý đất đai:***

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai; đo đạc, bản đồ và viễn thám trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Quản lý đất đai, Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Cục Viễn thám Quốc gia và đơn vị có chức năng liên quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**\* *Văn phòng Đăng ký đất đai:***

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng thực hiện đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai và cung cấp thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của

pháp luật; các hoạt động về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở; thu thập quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh; thu thập, chỉnh lý bảo quản và khai thác sử dụng hồ sơ, tài liệu lưu trữ và tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện các dịch vụ công về công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản giao dịch theo quy định pháp luật; là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tài chính được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ theo quy định hiện hành; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Tài nguyên và Môi trường; đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

***\* Trung tâm Dịch vụ tài nguyên và môi trường:***

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng thực hiện các hoạt động đo đạc bản đồ địa chính, trích đo địa chính, địa hình cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kê biên, giải phóng mặt bằng, chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường, vận hành, bảo trì hệ thống giám sát các trạm xử lý nước thải tập trung của các khu, cụm công nghiệp, các nguồn thải lớn; hoạt động tư vấn và dịch vụ trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường và các nhiệm vụ khác trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản giao dịch theo quy định pháp luật; là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tài chính được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ theo quy định hiện hành; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Tài nguyên và Môi trường; đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

***\* Trung tâm Phát triển quỹ đất:***

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện các dịch vụ khác trong lĩnh vực đất đai.

Là đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản giao dịch theo quy định pháp luật; là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tài chính được cơ quan có thẩm quyền giao quyền tự chủ theo quy định hiện hành; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Tài nguyên và Môi trường; đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

## **2.1.2. Đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.**

### **2.1.2.1. Tổng quan về KCN trên địa bàn tỉnh Long An**

Tính đến nay, toàn tỉnh có 28 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam năm 2015 và định hướng đến năm 2020 với tổng diện tích là 10.557,84 ha. Tuy nhiên hiện chỉ có 16 KCN đang hoạt động, có 40 chủ đầu tư hạ tầng; trong tổng số 28 KCN, có 02 KCN do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm chủ đầu tư, 25 KCN đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với diện tích 8.183,65 ha, tổng vốn đầu tư 13 triệu USD và 36.987,87 tỷ đồng.

Có 16/16 KCN hiện đang xây dựng và đã đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung; tổng lượng nước thải phát sinh từ các KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh trung bình khoảng 28.992 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải phát sinh từ các đơn vị thứ cấp đang hoạt động khoảng 40–50 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đã được đầu nối thu gom về hệ thống XLNT tập trung. Khi đủ lượng nước thải hệ thống sẽ hoạt động theo mẻ. Công tác lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải cũng từng bước được thực hiện, đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 04 KCN đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động (KCN Long Hậu, KCN Tân Đức, KCN Thuận Đạo, KCN Đức Hòa I và 1 Công ty lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động là Công ty Sapporo – KCN Việt Hóa. Hiện tại, 04

KCN và Công ty Sapporo – KCN Việt Hóa đã kết nối dữ liệu trực tuyến về Trạm giám sát của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An. [9]

STT	Tên khu công nghiệp	Diện tích (ha)	Diện tích đất công nghiệp (ha)	Diện tích đã cho thuê (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)
<b>I</b>	<b>Huyện Đức Hòa</b>				
<b>1</b>	<b>Đức Hoà 1</b>	274,2300	189,1146	106,7482	56,00
<b>2</b>	<b>Xuyên Á</b>	305,9157	212,3996	108,0900	50,89
<b>3</b>	<b>Tân Đức</b>	545,6920	372,3970	265,3101	71,24
<b>4</b>	<b>Hải Sơn</b>	366,4884	275,6938	213,2118	77,34
<b>5</b>	<b>Tân Đô</b>	208,0432	162,0215	41,3231	25,50
<b>6</b>	<b>Đức Hoà III</b>				
	Thái Hoà	100,2722	70,2833	50,6290	72,03
	Hồng Đạt	100,0293	70,0700	18,8066	27,00
	Anh Hồng	55,2416	41,4590	20,1819	49,00
	Việt Hoá	83,2151	51,6970	42,8452	82,88
<b>II</b>	<b>Huyện Bến Lức</b>				
<b>7</b>	<b>Nhựt Chánh</b>	125,2700	92,1200	81,5100	88,48
<b>8</b>	<b>Phú An Thạnh</b>	307,2300	211,7400	124,3400	58,72
<b>9</b>	<b>Phúc Long</b>	78,4146	55,8400	31,7000	56,77
<b>10</b>	<b>Thịnh Phát</b>	73,3717	47,5779	38,1000	80,13
<b>11</b>	<b>Vĩnh Lộc 2</b>	225,9850	157,3900	85,6200	54,00
<b>12</b>	<b>Thuận Đạo</b>	113,9472	73,9200	104,6303	100
<b>*</b>	<b>Thuận Đạo Mở rộng</b>	189,8430	133,9250	115,5460	88,00
<b>III</b>	<b>Huyện Cần Giuộc</b>				
<b>13</b>	<b>Tân Kim</b>	104,1000	70,5000	57,0000	93,00
<b>14</b>	<b>Long Hậu</b>	137,0000	91,7000	91,7000	100

STT	Tên khu công nghiệp	Diện tích (ha)	Diện tích đất công nghiệp (ha)	Diện tích đã cho thuê (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)
*	<b>Long Hậu mở rộng</b>	108,4800	81,4800	69,9100	86,00
<b>IV</b>	<b>Huyện Cần Đước</b>				
<b>15</b>	<b>Cầu Tràm</b>	77,8227	53,9500	23,4700	43,50
<b>V</b>	<b>Huyện Thủ Thừa</b>				
<b>16</b>	<b>Long Hậu – Hoà Bình</b>	117,6700	86,1800	61,6300	71,51

**Bảng 2.1: Danh sách các KCN trên địa bàn tỉnh Long An**

### 2.1.2.2. Tổ chức bộ máy và nguồn lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các đơn vị đầu tư hạ tầng KCN [10]

Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất song với công tác bảo vệ môi trường, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực làm nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã được chủ đầu tư hạ tầng các KCN và chủ cơ sở sản xuất kinh doanh đã có sự quan tâm thực hiện.

Đối với công ty hạ tầng KCN mỗi KCN đều đã hình thành bộ phận môi trường nhằm theo dõi tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp thứ cấp trong khu. Tổng số lao động thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại ban quản lý hạ tầng KCN là 65 người có đào tạo chuyên ngành có liên quan đến bảo vệ môi trường được thống kê trong bảng sau:

STT	Tên KCN	Số người	Trình độ chuyên môn	Đáp ứng đúng quy định
<b>I</b>	<b>Huyện Đức Hòa</b>			
01	Đức Hoà 1	09	Đại học môi trường	Đáp ứng
02	Xuyên Á	06	Sau đại học (ngành môi trường)	Đáp ứng
03	Tân Đức	05	Đại học môi trường	Đáp ứng
04	Hải Sơn	06	Đại học môi trường	Đáp ứng
05	Tân Đô	03	Đại học môi trường	Đáp ứng
06	Đức Hoà III			



6.1	Thái Hoà	04	Đại học môi trường	Đáp ứng
6.2	Hồng Đạt	01	Đại học môi trường	Đáp ứng
6.3	Anh Hồng	01	Đại học môi trường	Đáp ứng
6.4	Việt Hoá	02	Không chuyên ngành môi trường	Chưa đáp ứng
6.5	Tân Á Đại Thành	0	0	Chưa đáp ứng
<b>II</b>	<b>Huyện Bến Lức</b>			
07	Nhật Chánh	03	Đại học môi trường	Đáp ứng
08	Phú An Thạnh	02	Đại học môi trường	Đáp ứng
09	Phúc Long	04	Đại học môi trường	Đáp ứng
10	Thịnh Phát	04	Đại học môi trường	Đáp ứng
11	Vĩnh Lộc 2	03	Đại học môi trường	Đáp ứng
12	Thuận Đạo	02	Đại học môi trường	Đáp ứng
12.1	Thuận Đạo Mở rộng	02	Đại học môi trường	Đáp ứng
<b>III</b>	<b>Huyện Cần Giuộc</b>			
13	Tân Kim	03	Đại học môi trường	Đáp ứng
14	Long Hậu	03	Đại học môi trường	Đáp ứng
14.1	Long Hậu mở rộng	03	Đại học môi trường	Đáp ứng
<b>IV</b>	<b>Huyện Cần Đước</b>			
15	Cầu Tràm	02	Đại học môi trường	Đáp ứng
<b>V</b>	<b>Huyện Thủ Thừa</b>			
16	Hoà Bình	03	Đại học môi trường	Đáp ứng

**Bảng 2.2: Tổng hợp nguồn lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An**

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong KCN, bộ phận chuyên môn quản lý môi trường cũng đã bắt đầu được thành lập tại các công ty; số cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường khoảng 405 người trong đó cán bộ làm công tác kiêm nhiệm chiếm khoảng 63%.

### **2.1.2.3. Thực trạng, diễn biến và các vấn đề môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An [11]**

Theo kết quả kiểm tra về bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An trong thời gian vừa qua cho thấy các Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN (Công ty hạ tầng) của các KCN đang hoạt động đều đầu tư các công trình thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong KCN được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và dẫn về trạm XLNT tập trung của KCN để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi thải ra môi trường bên ngoài (nguồn tiếp nhận). Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong KCN (Doanh nghiệp thứ cấp) đều đầu tư các công trình xử lý nước thải sơ bộ và tất cả đều được đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN để xử lý tại những vị trí đã được xác định giữa hai bên và giám sát việc đầu nối theo quy định.

Chất thải rắn phát sinh tại các đơn vị thứ cấp trong KCN được các doanh nghiệp hợp đồng với các doanh nghiệp có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Công tác thu gom, xử lý rác thải công nghiệp được các doanh nghiệp thực hiện khá tốt, hiệu quả. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và nguy hại ước tính đạt khoảng 90% (khoảng 10% chất thải rắn công nghiệp còn lại doanh nghiệp tái sử dụng hoặc lưu kho).

Thông qua việc tiếp nhận vào KCN các loại hình hoạt động ít gây ô nhiễm môi trường, công nghệ sản xuất tiên tiến, khép kín đồng thời được các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường của tỉnh, huyện định hướng thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn lập thủ tục đầu tư nên đến nay hoạt động của các KCN trên địa bàn tỉnh Long An đến nay chưa gây ảnh hưởng đến môi trường.

Kết quả thống kê về thực trạng, diễn biến và các vấn đề môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

#### **a. Hiện trạng môi trường không khí tại các KCN**

Hiện nay có khoảng 750 cơ sở sản xuất trong 16 KCN đã đi vào hoạt động trong đó có khoảng 163 cơ sở sản xuất phát sinh khí thải công nghiệp trong quá

trình hoạt động. Ngành nghề các cơ sở sản xuất phát sinh khí thải bao gồm dệt nhuộm, sản xuất phân bón thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất sơn, chế biến thực phẩm, giày dép, sắt thép, chế biến gỗ,. Theo số liệu khảo sát, tổng lượng khí thải phát sinh khoảng 2.842.437 m<sup>3</sup>/giờ.

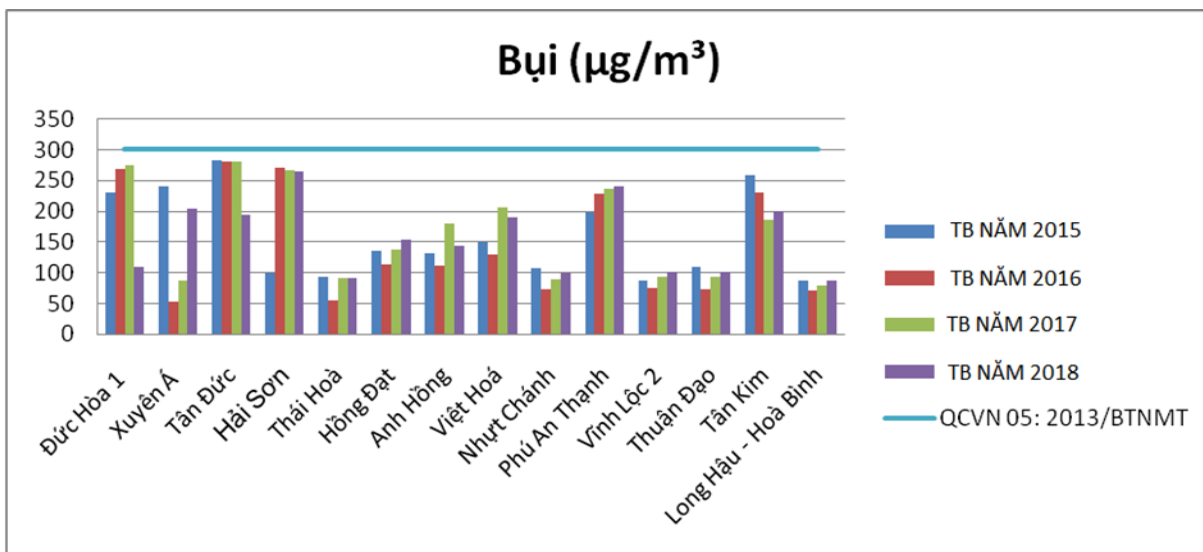
Để đảm bảo khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động không gây ảnh hưởng đến môi trường đồng thời tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tất cả cơ sở phát sinh khí thải đã chuyển đổi nhiên liệu đốt sang ga, dầu DO hoặc đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải nhằm thu gom và xử lý khí thải phát sinh đạt quy chuẩn quy định về môi trường đúng theo quy định. Theo số liệu kết quả quan trắc môi trường định kỳ của các Công ty, chất lượng khí thải sau xử lý đều đạt các quy chuẩn môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường.

Theo kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Long An năm 2018, chất lượng môi trường không khí xung quanh các KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh còn khá tốt và chưa có dấu hiệu ô nhiễm, cụ thể qua bảng sau:

TT	Tên KCN	Nồng độ bụi ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ ) QCVN 05:2013/BTNMT: 300				Nồng độ $\text{SO}_2$ ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ ) QCVN 05:2013/BTNMT: 350				Nồng độ $\text{NO}_2$ ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ ) QCVN 05:2013/BTNMT: 200				Nồng độ CO ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ ) QCVN 05:2013/BTNMT:30000				Mức ồn (dBA) QCVN 26:2010/BTNMT: 70			
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Đức Hòa 1	230	270	275	109	54	63	61	83	30	43	39	76	2330	3540	5232	2594	54	57	57	67
2	Xuyên Á	241	53	86	204	55	78	58	86	35	61	23	80	2239	3234	2215	3433	55	62	64	58
3	Tân Đức	283	282	281	194	198	202	211	69	72	71	74	67	3367	3596	3619	5241	60	59	59	63
4	Hải Sơn	100	272	267	266	92	69	67	60	37	54	53	49	6661	4825	4242	4465	65	66	67	65
5	Thái Hòa	93	54	92	92	70	72	68	83	39	47	23	13	6571	1625	1199	2413	63	63	60	61
6	Hồng Đạt	135	114	138	153	43	35	159	106	38	27	115	103	3141	3492	10775	3000	49	55	53	62
7	Anh Hồng	131	111	180	144	45	37	110	73	33	27	92	59	3433	3526	2983	3414	55	57	56	61
8	Việt Hóa	150	130	207	191	75	67	76	68	64	77	70	75	2715	2409	1878	2991	59	58	60	57
9	N.Chánh	108	72	89	100	61	75	53	87	32	40	16	15	6666	2248	2600	1535	63	62	61	62
10	P.A.Thạnh	198	228	237	240	50	79	86	72	55	73	73	78	3516	6142	5070	5098	55	59	63	60
11	Vinh Lộc 2	87	74	93	102	69	62	49	42	29	38	17	16	4925	2617	2242	3991	57	60	60	57
12	Thuận Đạo	109	73	93	101	53	85	95	62	33	39	12	13	6448	3172	2601	5333	60	61	64	63
13	Tân Kim	258	231	186	200	128	140	175	155	53	62	96	96	2681	2616	2319	2922	57	56	52	51
14	L.Hâu - Hòa Bình	86	71	79	88	58	80	51	74	31	33	16	10	3948	4801	5232	1574	62	62	63	63

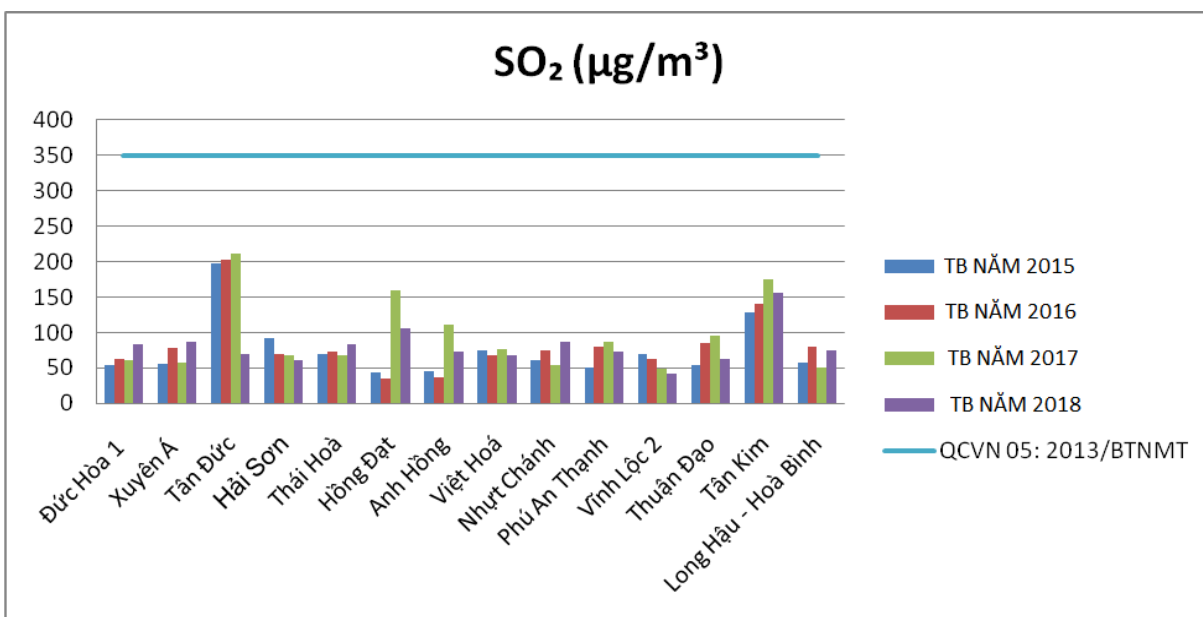
**Bảng 2.3: thống kê kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2015-2018**

Từ bảng thống kê trên ta có các biểu đồ sau:



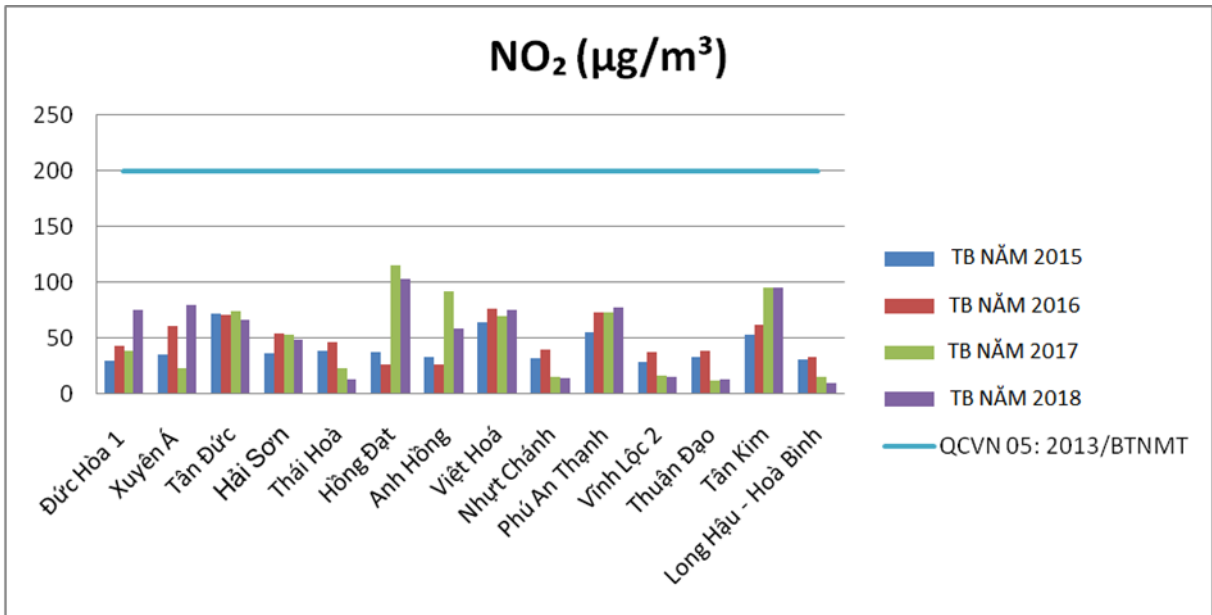
**Hình 2.2: Biểu đồ nồng độ bụi xung quanh các KCN năm 2018**

Qua biểu đồ ta thấy nồng độ bụi trung bình tại các KCN từ năm 2015-2018 không thay đổi nhiều và tất cả đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



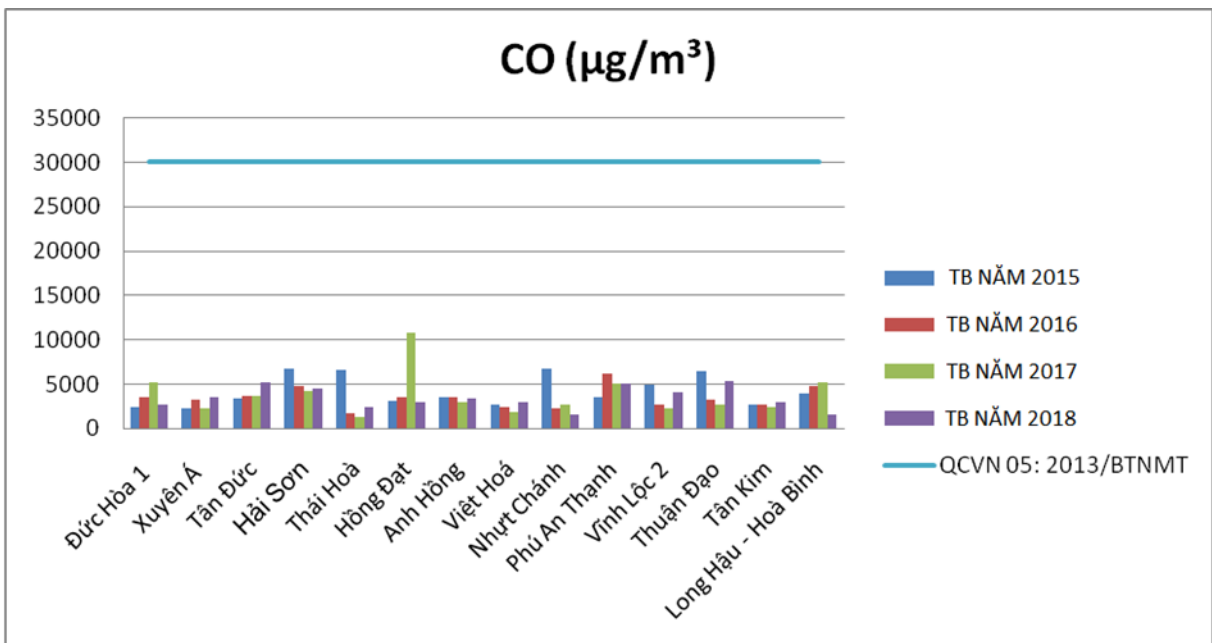
**Hình 2.3: Biểu đồ nồng độ SO<sub>2</sub> xung quanh các KCN năm 2018**

Qua biểu đồ ta thấy nồng độ SO<sub>2</sub> trung bình tại các KCN từ năm 2015-2018 không thay đổi nhiều và tất cả đều thấp hơn giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



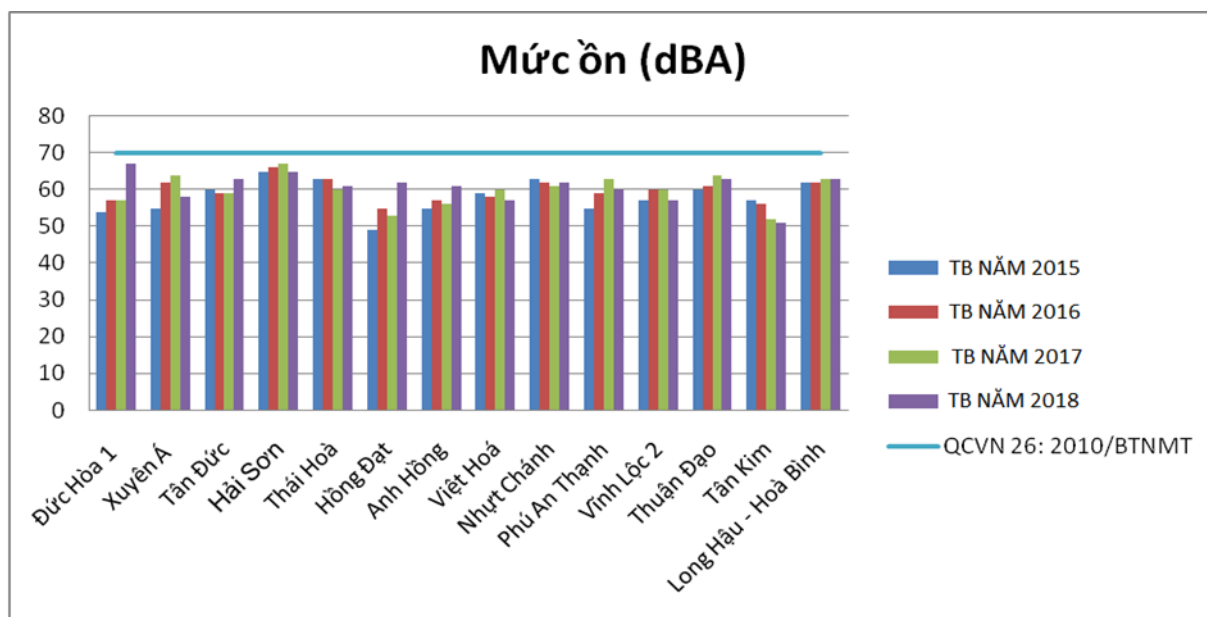
**Hình 2.4: Biểu đồ nồng độ NO<sub>2</sub> xung quanh các KCN 2015-2018**

Qua biểu đồ ta thấy nồng độ NO<sub>2</sub> trung bình tại các KCN từ năm 2015-2018 không thay đổi nhiều và tất cả đều thấp hơn giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



**Hình 2.5: Biểu đồ nồng độ CO xung quanh các KCN 2015-2018**

Qua biểu đồ ta thấy nồng độ CO trung bình tại các KCN từ năm 2015-2018 không thay đổi nhiều và tất cả đều thấp hơn giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



**Hình 2.6: Biểu đồ mức ồn xung quanh các KCN 2015-2018**

Qua biểu đồ ta thấy mức ồn trung bình tại các KCN từ năm 2015-2018 không thay đổi nhiều và tất cả đều thấp hơn giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định

Ngoài ra, tại các KCN còn phát sinh các chất thải khác nhưng vẫn còn nằm trong giới hạn cho phép cụ thể như:

- Tại khu vực KCN Đức Hòa 1–Hạnh Phúc: H<sub>2</sub>S dao động trong khoảng 0-58 µg/m<sup>3</sup>, NH<sub>3</sub> dao động trong khoảng 0-58 µg/m<sup>3</sup>; H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> dao động trong khoảng 0-242 µg/m<sup>3</sup>; HCl dao động trong khoảng 0-61,1 µg/m<sup>3</sup>; Pb dao động trong khoảng 0-016 µg/m<sup>3</sup>. Tất cả các thông số này đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng đối với độ ồn dao động 67 dB gần bằng với mức QCVN 26:2010/BTNMT do ảnh hưởng của giao thông khu vực.

- Tại khu vực KCN Tân Đức, Hải Sơn và Tân Đô: H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, HCl tồn tại với nồng độ rất nhỏ; nồng độ Pb nằm dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp phân tích. Tất cả các thông số này đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng đối với độ ồn dao động trong khoảng 63-65 dB đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tại khu vực KCN Xuyên Á:  $H_2S$ ,  $NH_3$ ,  $H_2SO_4$ ,  $HCl$  và phenol tồn tại với nồng độ rất nhỏ; nồng độ Pb nằm dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp phân tích. Tất cả các thông số này đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng đối với độ ồn dao động trong khoảng 58 dB đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tại khu vực KCN Đức Hòa III (gồm Việt Hóa, Thái Hòa, Anh Hồng, Hồng Đạt: nồng độ Pb nằm dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp phân tích. Như vậy, tất cả các thông số này đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng đối với độ ồn dao động trong khoảng 56-62 dB đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tại khu vực KCN Vĩnh Lộc, Phúc Long: nồng độ Pb nằm dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp phân tích. Như vậy, tất cả các thông số này đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng đối với độ ồn dao động trong khoảng 57 dB đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tại khu vực KCN Long Hậu:  $H_2S$ ,  $NH_3$ ,  $H_2SO_4$ ,  $HCl$  tồn tại trong không khí xung quanh với nồng độ rất nhỏ; nồng độ Pb nằm dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp phân tích. Như vậy, tất cả các thông số này đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng đối với độ ồn dao động trong khoảng 63 dB đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT

- Tại khu vực KCN Thịnh Phát:  $H_2S$ ,  $NH_3$  tồn tại trong không khí xung quanh với nồng độ rất nhỏ nồng độ Pb nằm dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp phân tích. Như vậy, tất cả các thông số này đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT. Riêng đối với độ ồn dao động trong khoảng 60 dB.

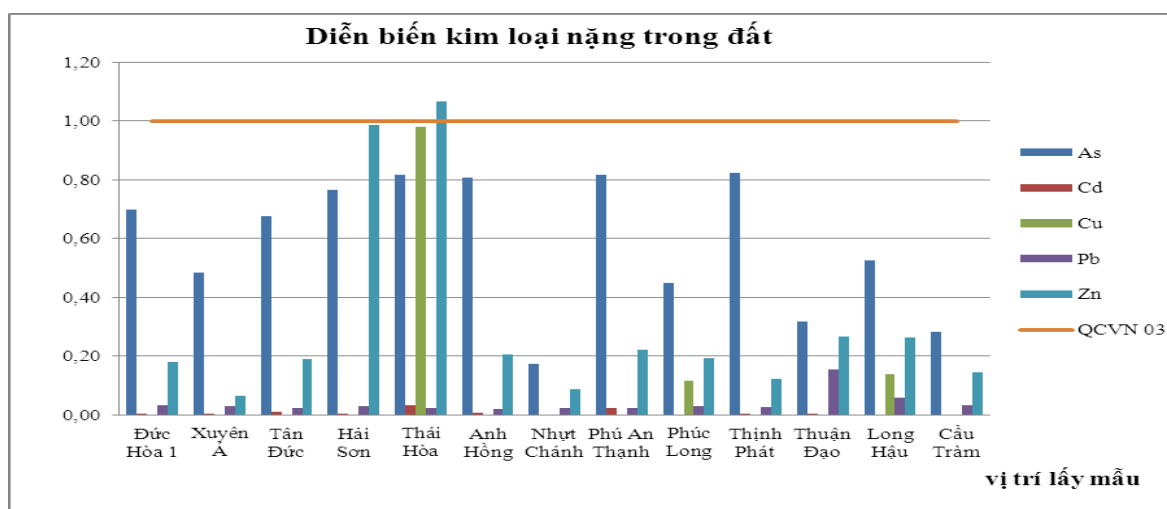
**Tóm lại:** chất lượng môi trường không khí xung quanh KCN còn khá tốt, các thông số môi trường nền và độ ồn có giá trị thấp hơn quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

## **b. Đánh giá hiện trạng môi trường đất**



Tên KCN	Thông số				
	As	Cd	Cu	Pb	Zn
Đức Hòa 1	8,4	0,022	KPH	10,2	54,1
Xuyên Á	5,8	0,023	KPH	8,5	19,5
Tân Đức	8,1	0,092	KPH	7,4	57,3
Hải Sơn	9,2	0,054	KPH	8,7	296
Thái Hòa	9,8	0,316	97,9	7,5	320
Anh Hồng	9,7	0,079	KPH	6,3	61,7
Nhật Chánh	2,1	KPH	KPH	6,9	26
Phú An Thạnh	9,8	0,222	KPH	7,1	66,6
Phúc Long	5,4	KPH	11,6	9,1	58,2
Thịnh Phát	9,9	0,01	KPH	7,8	37,3
Thuận Đạo	3,8	0,019	KPH	46,5	80,2
Long Hậu	6,3	KPH	13,9	17,7	79,5
Cầu Tràm	3,4	KPH	KPH	9,9	43,7
<b>QCVN 03: 2015/BTNMT</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	<b>100</b>	<b>300</b>	<b>300</b>

**Bảng 2.4: Hàm lượng kim loại nặng trong đất tại các KCN năm 2018**



**Hình 2.7: Biểu đồ diễn biến kim loại nặng năm 2018**

Nhìn chung qua kết quả phân tích mẫu đất tháng 12/2018 tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An (vị trí lấy mẫu tại khu vực hệ thống xử lý nước thải) hàm lượng kim loại nặng trong đất bao gồm As, Cd, Cu, Zn và Pb hầu hết đều nằm trong giới hạn cho

phép của quy chuẩn QCVN 03:2015/BTNMT. Ngoại trừ KCN Thái Hòa có hàm lượng Zn vượt quy chuẩn cho phép nhưng không đáng kể vì công ty TNHH công trình Anatek chuyên sản xuất, sửa chữa máy móc thiết bị

### c. Đánh giá hiện trạng nước thải

Tổng lượng nước thải phát sinh từ các KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh trung bình khoảng 28.992 m<sup>3</sup>/ngày được các doanh nghiệp thứ cấp thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Ban quản lý hạ tầng KCN và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của KCN để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi thải ra ngoài môi trường. Tình hình thực hiện thu gom và xử lý nước thải tại từng KCN cụ thể như sau:

STT	Tên KCN	Số doanh nghiệp đang hoạt động	Tổng lượng nước thải phát sinh trung bình (m <sup>3</sup> /ngày)	Công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung (m <sup>3</sup> /ngày)
01	Đức Hòa 1	72	1.250	2000
02	Xuyên Á	84	7.028	9.600
03	Thuận đạo	22	547	2.500
04	Long Hậu	117	3.500	4.500
05	Nhứt Chánh	21	1.400	1.500
06	Tân Kim	62	200	500
07	Vĩnh Lộc 2	15	300	2.000
08	Thái Hòa	57	485	2.000
09	Hòa Bình	57	500	2.000
10	Phúc Long	29	300	1.300
11	Hải Sơn	147	2.600	4.000
12	Anh Hồng	07	1.950	2.000
13	Hồng Đạt	07	50	1.200
14	Việt Hóa	05	261	5.000

15	Phú An Thạnh	09	205	3.300
16	Tân Đức	110	3.035	6.000

**Bảng 2.5: Tổng hợp tình hình quản lý nước thải tại các KCN tỉnh Long An**

Theo báo cáo quan trắc môi trường tỉnh Long An năm 2018 cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của các KCN có các thông số đều thấp hơn so với QCVN 40:2011/BTNMT cột A ( $Kq=1$ ;  $Kf=0,9$ ). Qua đó cho thấy hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN hoạt động khá hiệu quả.

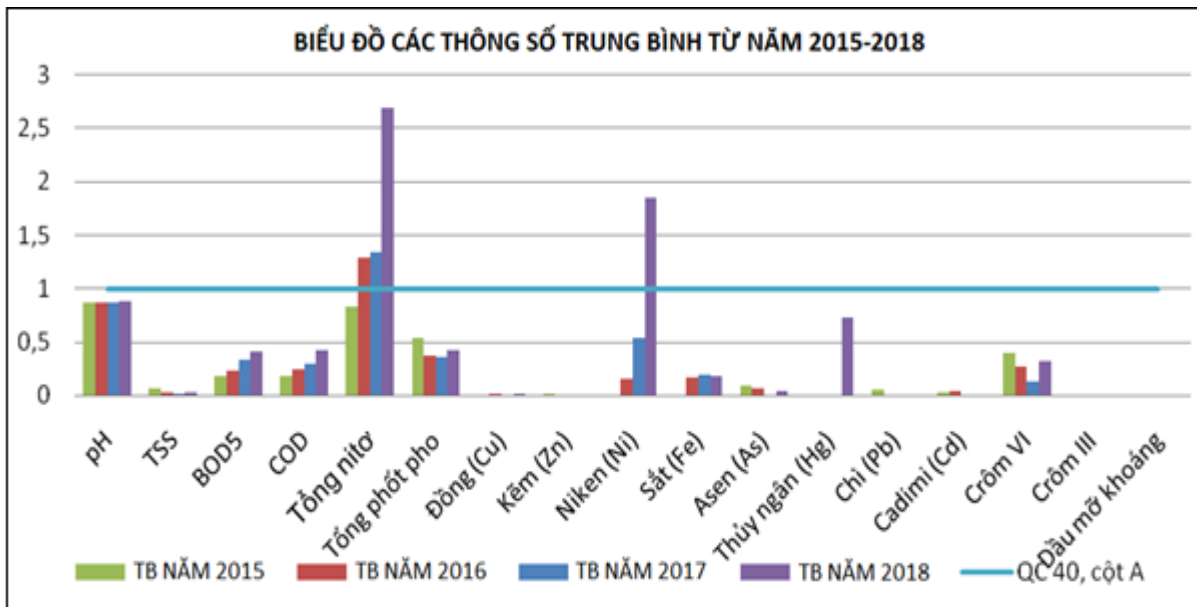
TT	Tên KCN	Cầu Tràm				Xuyên Á				Tân Đức		Hải Sơn			
		2015	2016	2017	2018	2015	2016	2017	2018	2017	2018	2015	2016	2017	2018
	Các chất														
1	pH	5,25	6,3	5,6	5,81	4,9	5,6	6,3	4,55	5,6	5,67	6,3	5,39	5,67	5,6
2	TSS	28	24	29,5	19,5	20	15	10	15	41	21,5	10	9,5	15,5	10,5
3	BOD5 20oC	23,4	25,5	26,1	17,1	30	19,5	30	16,5	33	33	6,9	12	19,2	12
4	COD	105	129	130,5	117	150	90	120	67,5	123	137	46,5	48	63	45
5	Tổng Nito	7	7,6	15,6	15	9	15	17,2	7,8	11,6	7,8	8,6	4	7,6	8
6	Tổng Photpho	1	2	3,2	2,28	0,8	0,6	0,36	1,16	2,72	2,08	0,28	0,52	0,4	0,48
7	Đồng	0	0,32	0,36	0	0	0	0	0	0,58	0,16	0,02	0,04	0,02	0
8	Kẽm	0	0,45	0,36	0,09	0,06	0	0	0	0,54	0	0	0	0	0
9	Niken	0	0,014	0,02	0,01	0	0,03	0,07	0,09	0,03	0	0	0	0	0
10	Sắt	0,02	0,042	0,098	0,058	0	0	0	0	0,03	0,07	0,019	0,02	0,081	0,04
11	Asen	0,1	0,09	0,075	0	0,23	0	0,02	0	0	0	0	0	0	0
12	Thủy ngân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Chi	0,03	0,02	0,022	0,008	0,02	0	0	0	0,04	0	0,002	0	0	0
14	Cadimi	0,01	0,01	0,009	0,003	0	0	0	0	0	0	0,002	0	0	0
15	Crom III	0	0,001	0,001	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Crom VI	0,02	0,005	0,021	0	0,01	0,013	0	0,01	0	0	0,006	0	0	0
18	Dầu mỡ	0,24	0,355	0,46	0	0,24	0	0	0,01	0,19	0	0	0,01	0,015	0,02
19	Mangan	0	0,11	0,09	0	0	0	0	0	0,05	0	0	0	0	0
20	Phenol	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Xyanua	0	0,006	0,008	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Coliform	2430	2940	2760	1140	1530	0	240	450	510	2130	0	870	1080	2310
23	Amoni	0	1,5	3,75	1,25	0	0	0	0	0	0	2,1	0,9	0,45	0,6
24	Độ màu	0	37,5	49	42,5	36	36	74,4	31	0	0	0	0	0	0
25	Clorua	0	315	475	125	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Clo dư	0	0,009	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Flo	0	0,25	0,15	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Sunfua	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Nhiệt độ	0	32	26	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Tên KCN	Thái Hòa			Anh Hồng				VIỆT HÓA			Nhật Chánh				
		2015	2016	2017	2018	2015	2016	2017	2018	2016	2017	2018	2015	2016	2017	2018
	Các chất	2015	2016	2017	2018	2015	2016	2017	2018	2016	2017	2018	2015	2016	2017	2018
1	pH	6,3	6,09	5,95	6,09	5,25	5,6	4,9	5,25	5,81	5,18	4,9	6,37	6,09	5,95	6,09
2	TSS	12,5	22,5	22,5	15	30	22,5	74,5	45	4,25	19	29	8,5	5	8	5
3	BOD5 20oC	20,4	15	17,4	22,5	27	21	90	27	2,7	15	40,8	19,8	13,8	12	25,5
4	COD	90	90	100,5	135	97,5	75	392	105	27	76,5	172,5	120	79,5	70,5	143
5	Tổng Nito	5	15	35	15	0	0	0	0	11,2	11,6	8,4	10	13,6	15,6	24
6	Tổng Photpho	0,36	0,32	0,4	0,36	0	0	0	0	0,92	0,72	1,2	0,68	0,68	0,44	0,36
7	Đồng	0	0	0	0,16	0	0	0	0	0	0	0	0	0,06	0,04	0,12
8	Kẽm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Niken	0,04	0	0,04	0,06	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Sắt	0,04	0,03	0,035	0,065	0,05	0,02	0,03	0,06	0	0	0	0,02	0,017	0,02	0,03
11	Asen	0	0	0	0,045	0	0	0	0	0	0	0	0,01	0	0,02	0,02
12	Thủy ngân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Chi	0,02	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,002	0	0
14	Cadimi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5E-04	0	0
15	Crom III	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Crom VI	0,01	0,009	0,009	0,015	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Dầu mỡ	0	0	0	0	0,13	0,03	0,44	0,34	0	0	0,08	0,04	0	0,12	0,01
19	Mangan	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Phenol	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Xyanua	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Coliform	900	15600	0	570	0	0	0	0	360	2400	2250	60	60	0	30
23	Amoni	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,9	0	0,1	0,15
24	Độ màu	0	0	0	0	30	25	50	37,5	0	0	0	59,5	25,5	30	62,5
25	Clorua	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Clo dư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Flo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Sunfua	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Nhiệt độ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Tên KCN	Phú An Thạnh			Phúc Long			Thịnh Phát			Thuận Đạo				Long Hậu			
		2015	2016	2017	2018	2016	2017	2018	2016	2017	2018	2015	2016	2017	2018	2016	2017	2018
	Các chất	2015	2016	2017	2018	2016	2017	2018	2016	2017	2018	2015	2016	2017	2018	2016	2017	2018
1	pH	5,95	5,46	5,6	5,46	5,95	5,88	5,95	5,95	5,88	5,95	6,16	6,23	6,3	6,37	6,16	5,67	5,53
2	TSS	4,5	8	10	25	13	12,5	9	15	9	15,5	5	4,5	3	4	8	9,5	6
3	BOD5 20oC	19,5	19,8	11,1	27	22,5	11,7	12,3	18,3	16,8	24	7,5	9	10,2	13,8	3	15,3	7,5
4	COD	84	55,5	40,5	114	110	58,5	69	105	91,5	117	37,5	45	51	69	22,5	84	33
5	Tổng Nito	7,8	18	12,4	15,6	10,2	14	13,6	3,8	4,6	4,6	16	26,8	28	55	4,2	3,2	11,2
6	Tổng Photpho	1,56	1,48	1,04	0,84	0,48	0,64	0,36	0,12	0,16	0,16	2,2	1,44	1,4	1,6	2,44	0,72	2,32
7	Đồng	0,02	0,016	0,2	0	0	0	0,14	0	0	0,02	0,018	0,02	0,014	0	0,02	0	0,02
8	Kẽm	0,3	0,027	0,024	0	0,15	0,15	0	0	0	0,03	0,021	0	0	0	0,03	0,03	0,03
9	Niken	0	0	0,05	0,032	0	0,03	0,02	0	0,06	0,04	0,05	0,1	0,35	0	0,02	0	0,04
10	Sắt	0,03	0,017	0,015	0,016	0	0	0	0,02	0,02	0,02	0	0,02	0,02	0,02	0,02	0,012	0,02
11	Asen	0,05	0,085	0	0	0,55	0,2	0,06	0,01	0,05	0,03	0,055	0,05	0	0,02	0,05	0,05	0,06
12	Thủy ngân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Chi	0	0	0	0	0	0	0	0,01	0	0,01	0,009	0	0	0	0	9E-04	0,01
14	Cadimi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,003	0	0	0	0	0	0
15	Crom III	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Crom VI	0	0	0	0	0,01	0,014	0,01	0	0	0,01	0,02	0,02	0,006	0,02	0	0	0,01
18	Dầu mỡ	0,08	0,035	0,005	0,055	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,03
19	Mangan	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Phenol	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Xyanua	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Coliform	1470	300	30	60	6000	0	0	3000	3780	30	0	0	0	0	0	0	1230
23	Amoni	0	0	0	0	1,5	0,45	0,35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Độ màu	0	0	0	0	0	6	22,5	31,5	49	35,5	0	0	0	0	0	0	0
25	Clorua	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Clo dư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Flo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Sunfua	0	0	0	0	0,03	0	0,02	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Nhiệt độ	0	0	0	0	30	31,6	30,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

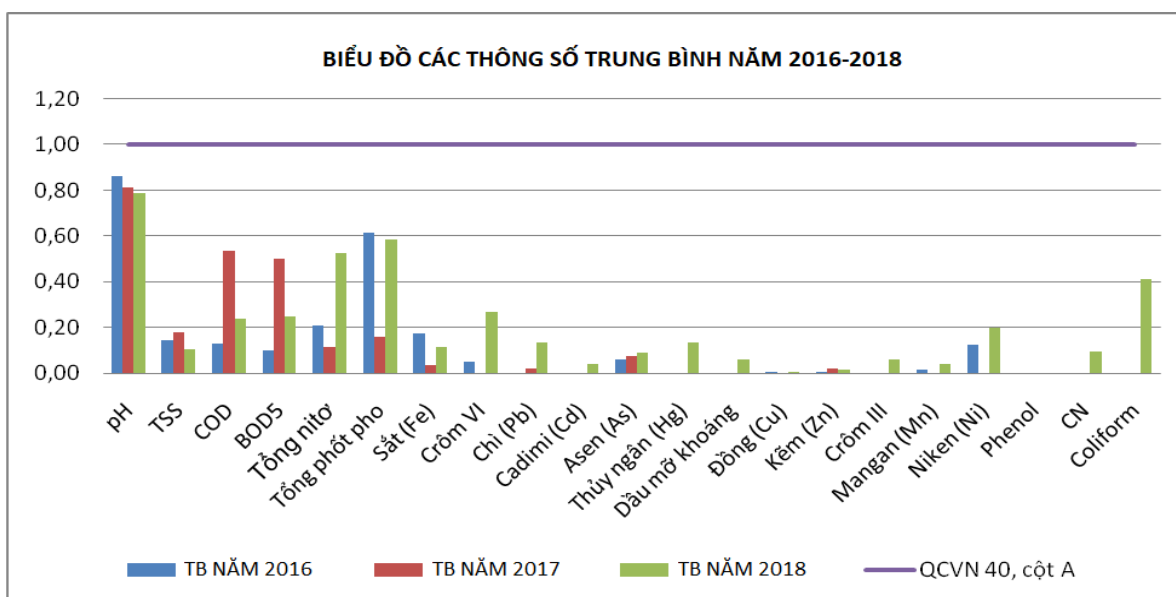
**Bảng 2.6: Nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý**

Tổng hợp nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý sau khi quy về số lần vượt QCVN 40:2011/BTNMT cột A ( $K_q=1$ ;  $K_f=0,9$ ) của các KCN được thể hiện tại các đồ thị sau:



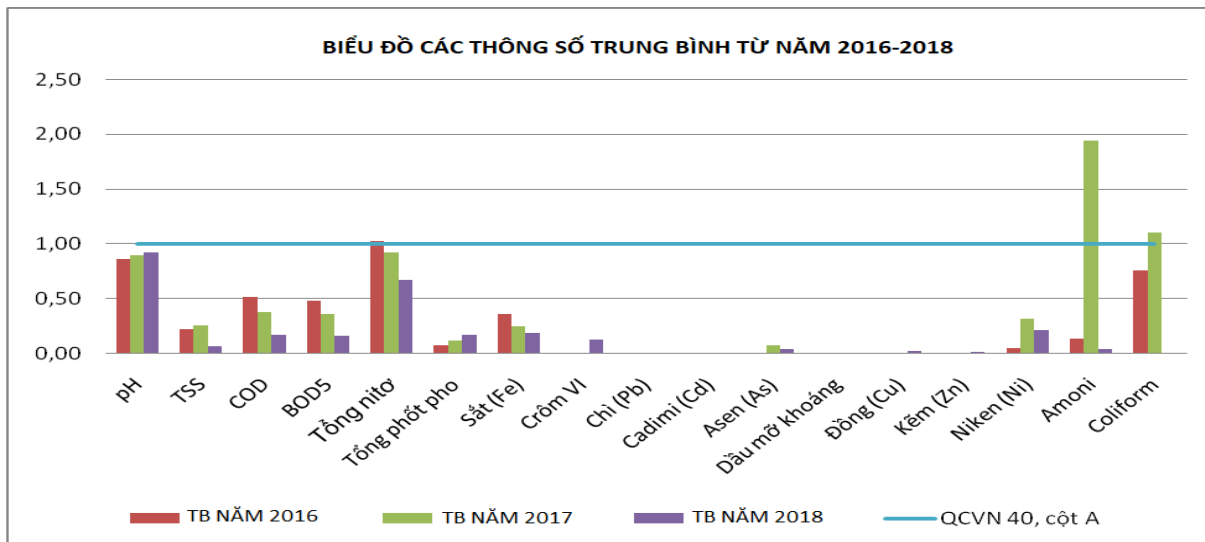
**Hình 2.8 : Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Thuận Đạo năm 2015-2018**

Giá trị pH, nồng độ các thông số mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2015-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ nồng độ các thông số niken và tổng nitơ vượt giới hạn cho phép qua các năm



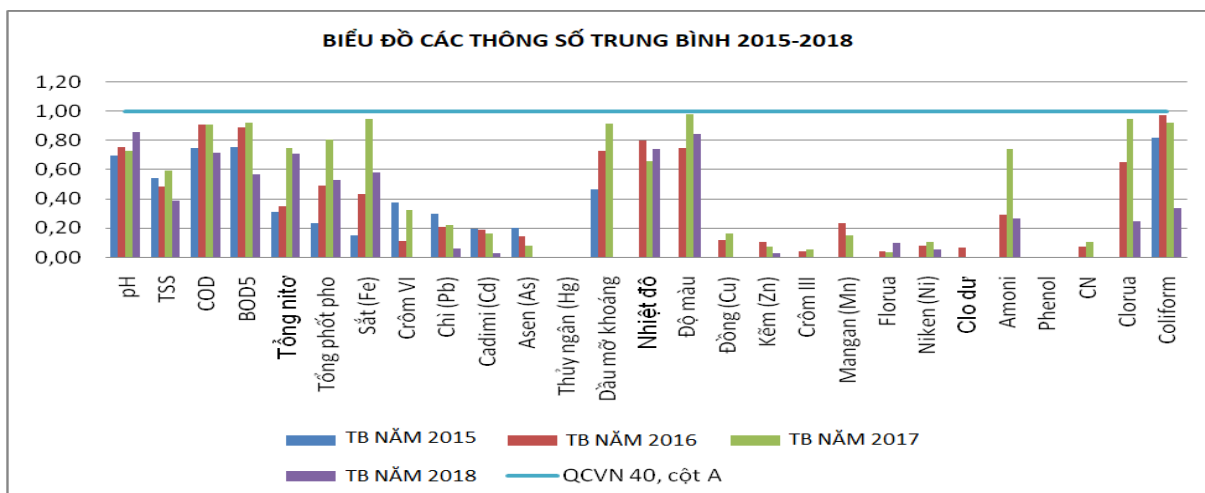
**Hình 2.9 : Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Long Hậu năm 2016-2018**

Giá trị pH, coliform và nồng độ các thông số trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình các năm 2016-2018 đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



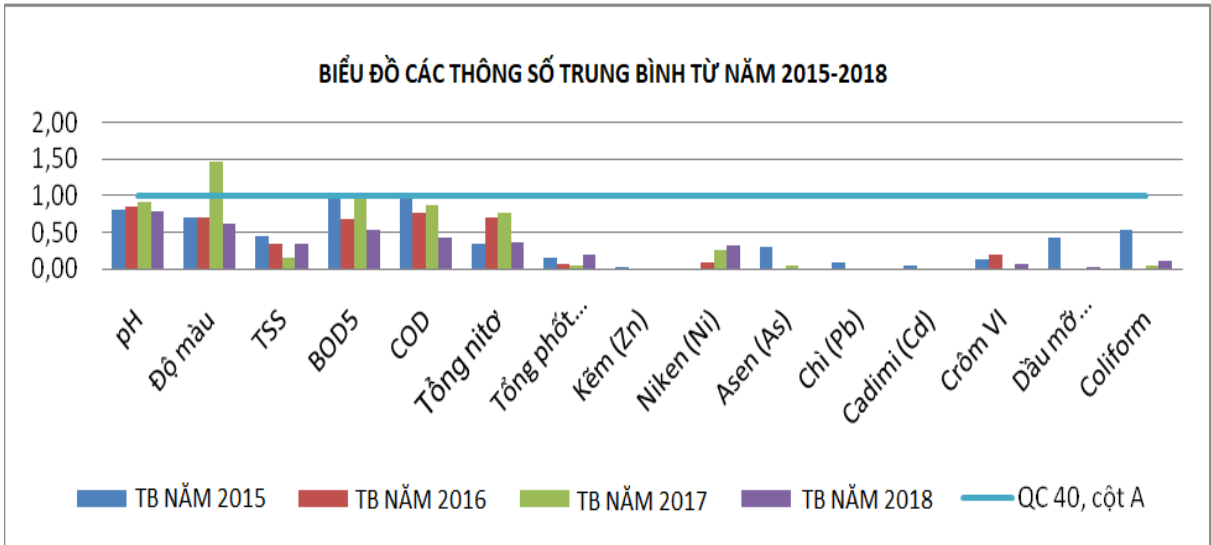
**Hình 2.10: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Đức Hòa năm 2016-2018**

Giá trị pH, nhiệt độ, độ màu, coliform và nồng độ các thông số phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2016-2018 đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Riêng amoni vượt gấp 2 lần QCVN 40 cột A.



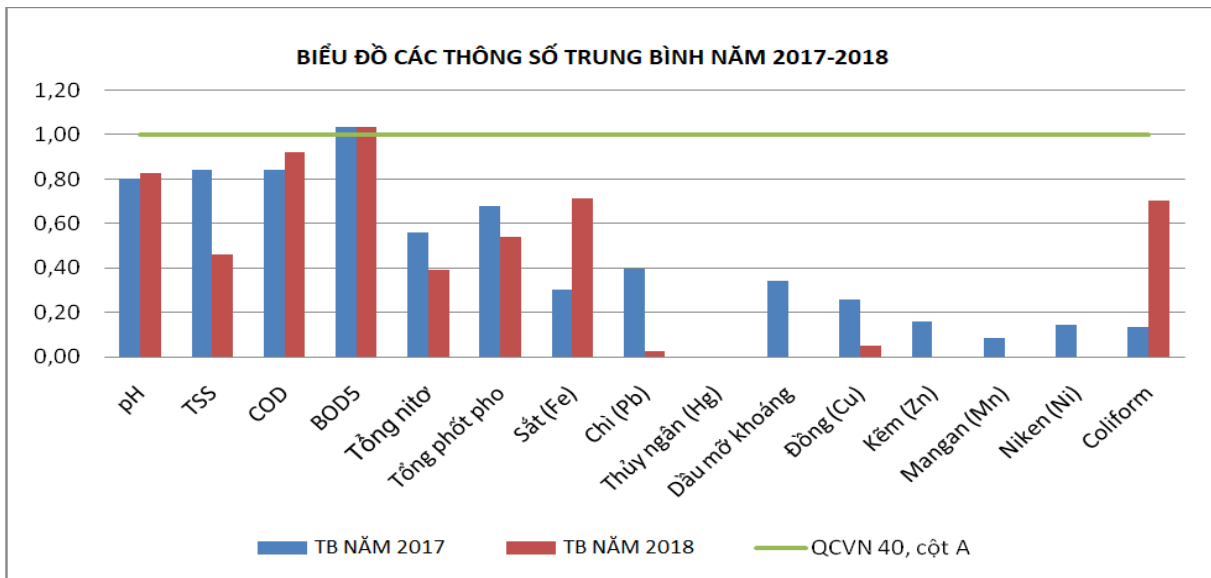
**Hình 2.11: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Cầu Tràm năm 2015-2018**

Giá trị pH và nồng độ các thông số trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình các năm 2015-2018 đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



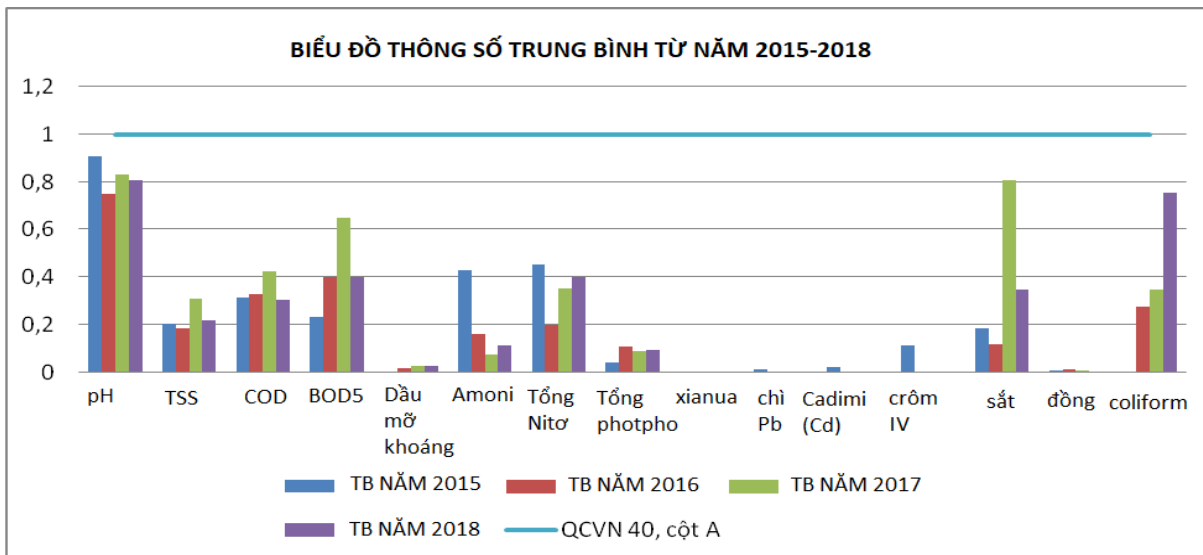
**Hình 2.12 : Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Xuyên Á năm 2015-2018**

Giá trị pH, coliform và nồng độ các thông số phân tích trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2015-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ năm 2017 có độ màu vượt 1,5 lần so với giới hạn cho phép của quy chuẩn



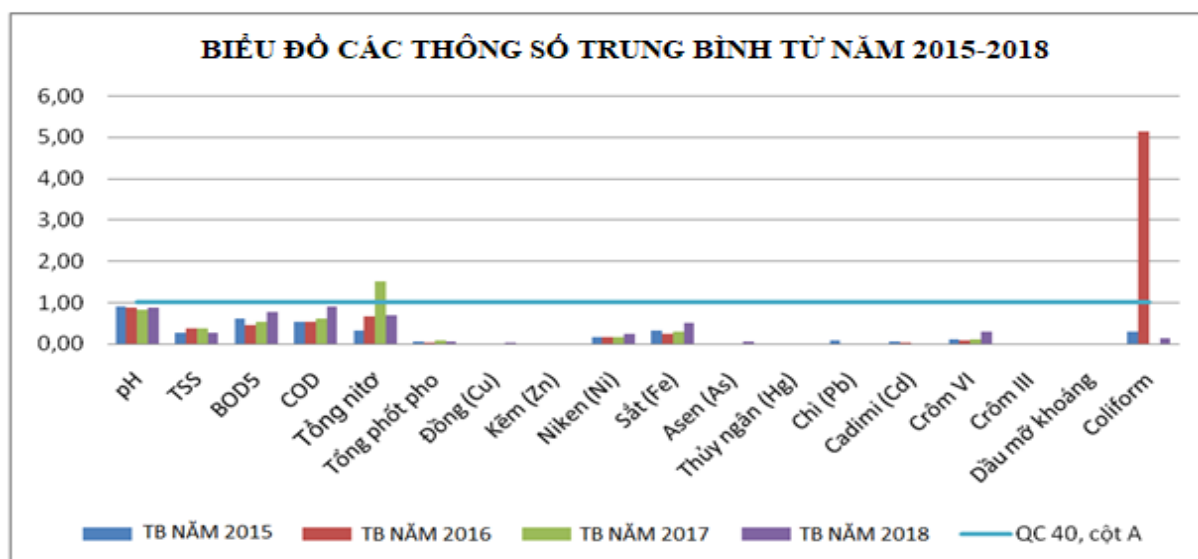
**Hình 2.13: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Tân Đức từ năm 2017-2018**

Giá trị pH, coliform và nồng độ các thông số phân tích trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2017-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ nồng độ BOD<sub>5</sub> vượt giới hạn cho phép.



**Hình 2.14: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Hải Sơn từ năm 2015-2018**

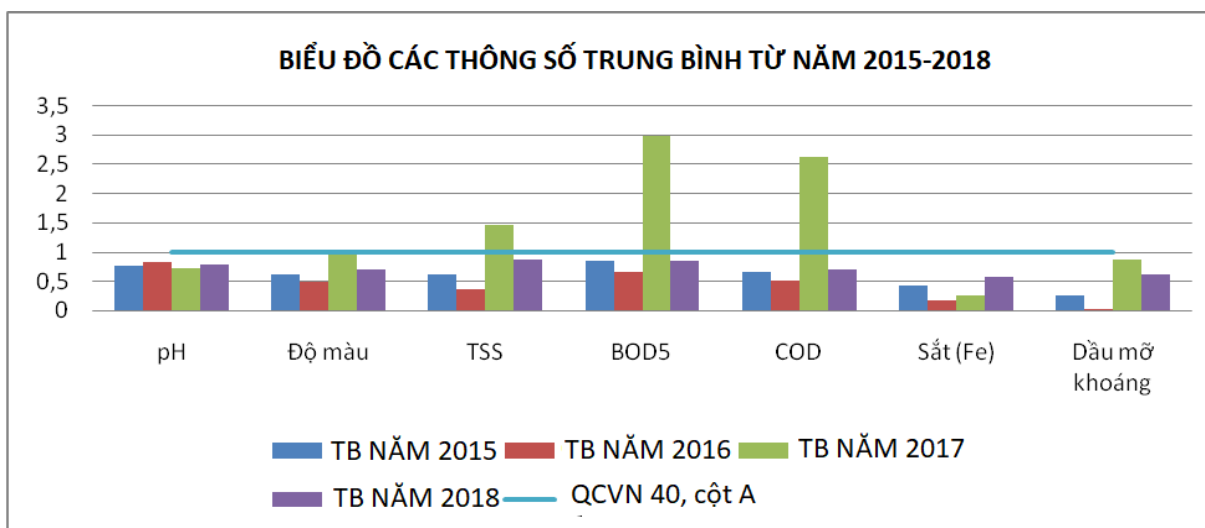
Giá trị pH, coliform và nồng độ các thông số phân tích trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2015-2018 đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



**Hình 2.15: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Thái Hòa năm 2015-2018**

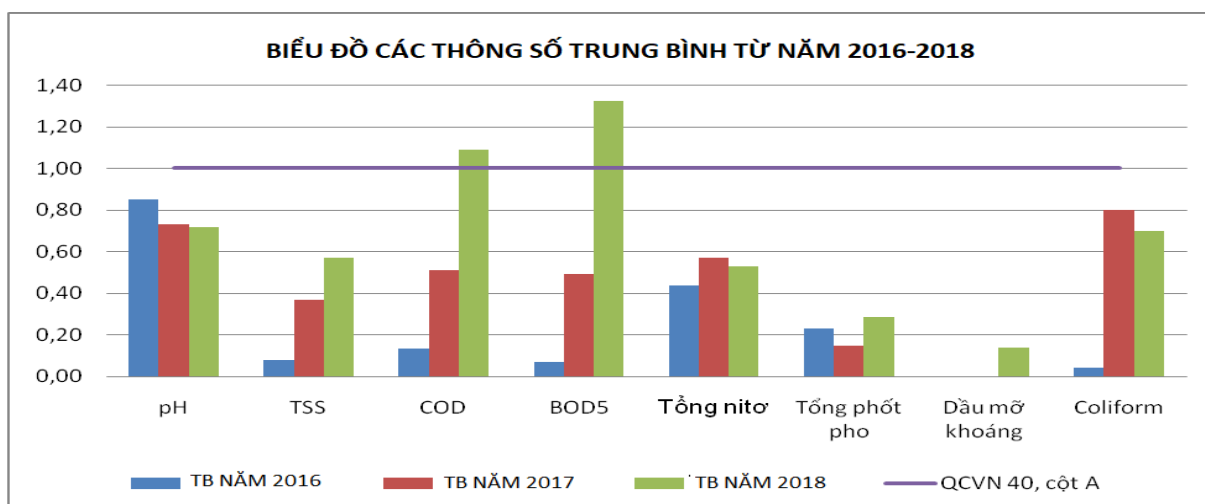


Giá trị pH, coliform và nồng độ các thông số trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2015-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ nồng độ tổng nitơ vượt 1,5 lần (năm 2017) và giá trị coliform vượt 5,1 lần (năm 2016) so với quy chuẩn so sánh.



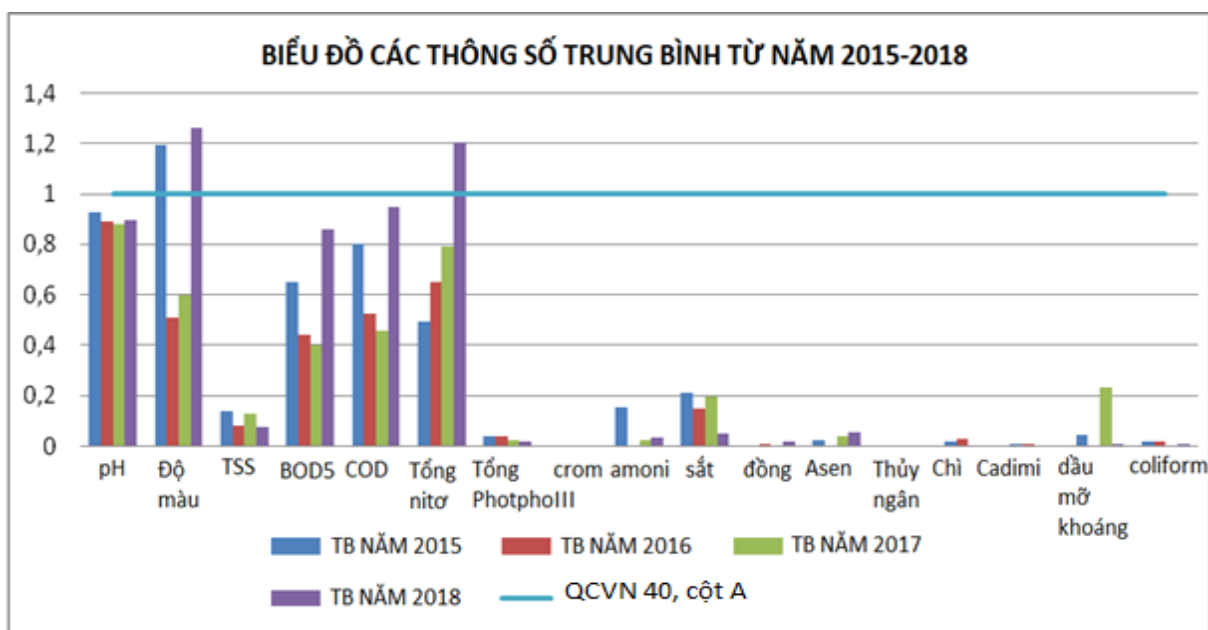
**Hình 2.16: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Anh Hồng năm 2015-2018**

Kết quả phân tích các thông số trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2015-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ năm 2015 có nồng độ các thông số TSS vượt 1,5 lần; BOD<sub>5</sub> vượt 3 lần; COD vượt 2,6 lần so với quy chuẩn so sánh.



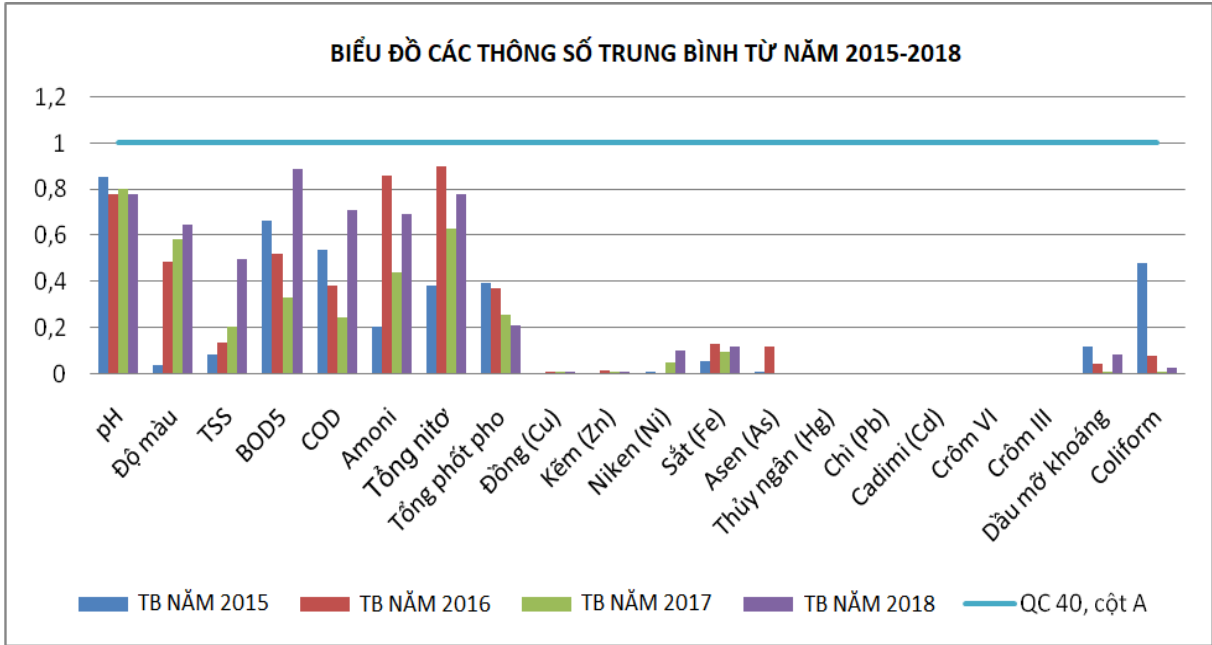
**Hình 2.17: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Việt Hóa năm 2016-2018**

Giá trị pH, coliform và nồng độ các thông số trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2016-2018 đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ nồng độ COD vượt 1,1 lần (năm 2017) và BOD<sub>5</sub> vượt 1,3 lần (năm 2017) so với quy chuẩn so sánh.



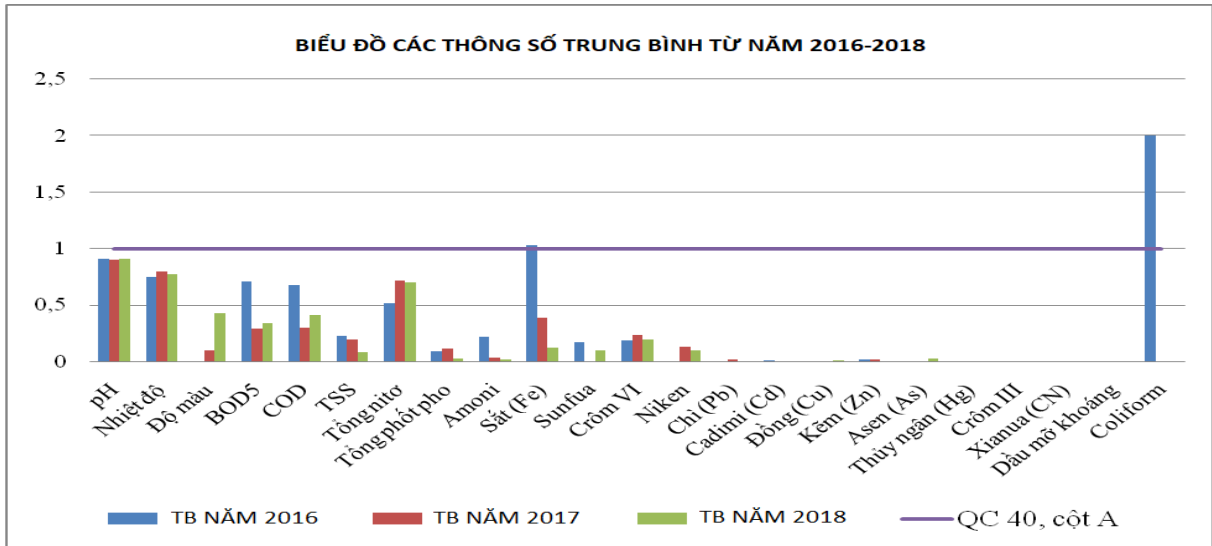
**Hình 2.18: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Nhựt Chánh (2015-2018)**

Giá trị pH, nhiệt độ, coliform và nồng độ các thông số phân tích trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2015-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ độ màu vượt 1,2 lần trong năm 2015 và 1,3 lần trong năm 2018; tổng nitơ vượt 1,2 lần trong năm 2018.



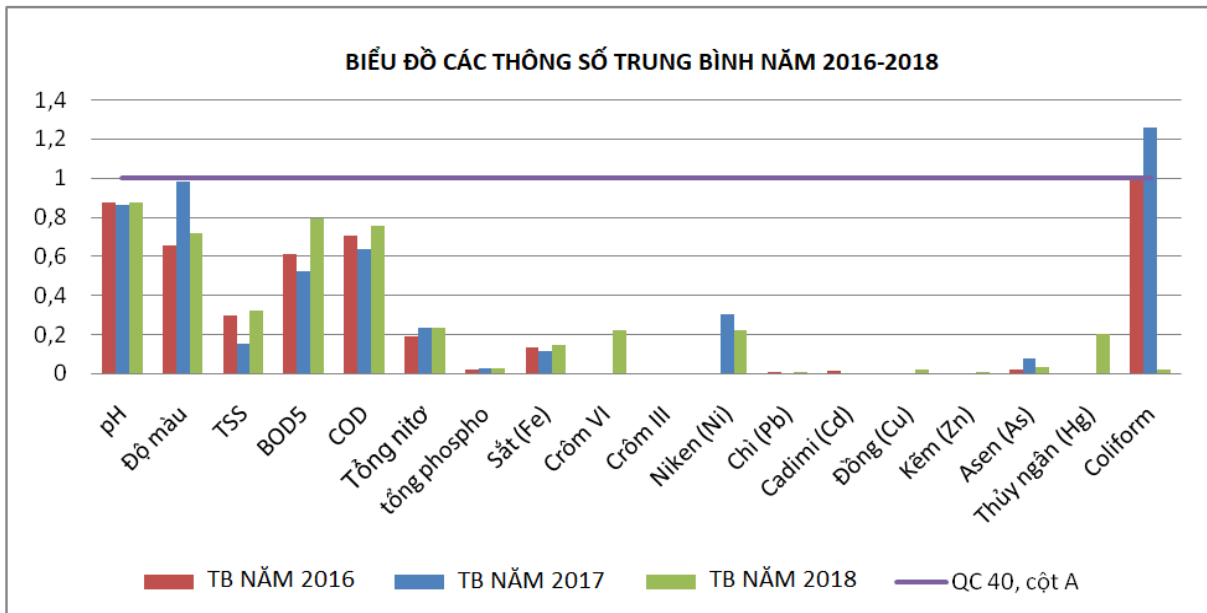
**Hình 2.19: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Phú An Thạnh(2015-2018)**

Giá trị pH, độ màu, coliform và nồng độ các thông số phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2015-2018 đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định.



**Hình 2.20: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Phúc Long năm 2016-2018**

Kết quả phân tích các thông số trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2016-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ giá trị coliform vượt 2 lần so với giới hạn cho phép trong năm 2016.



**Hình 2.21: Biểu đồ các thông số trung bình của KCN Thịnh Phát (2015-2018)**

Kết quả phân tích các thông số trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trung bình từ năm 2016-2018 đa số đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Ngoại trừ giá trị coliform vượt 1,3 lần giới hạn cho phép của quy chuẩn so sánh trong năm 2017.

**c. Về chất thải rắn:**

Theo quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chủ cơ sở phát sinh chất thải rắn và CTNH phải có trách nhiệm thu gom, lưu trữ và xử lý hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý. Chính vì vậy, 16/16 KCN đã đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh không bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn cho KCN. Chất thải rắn và CTNH phát sinh tại các cơ sở sản xuất được chủ cơ sở sản xuất tự thu gom và xử lý đúng quy định.

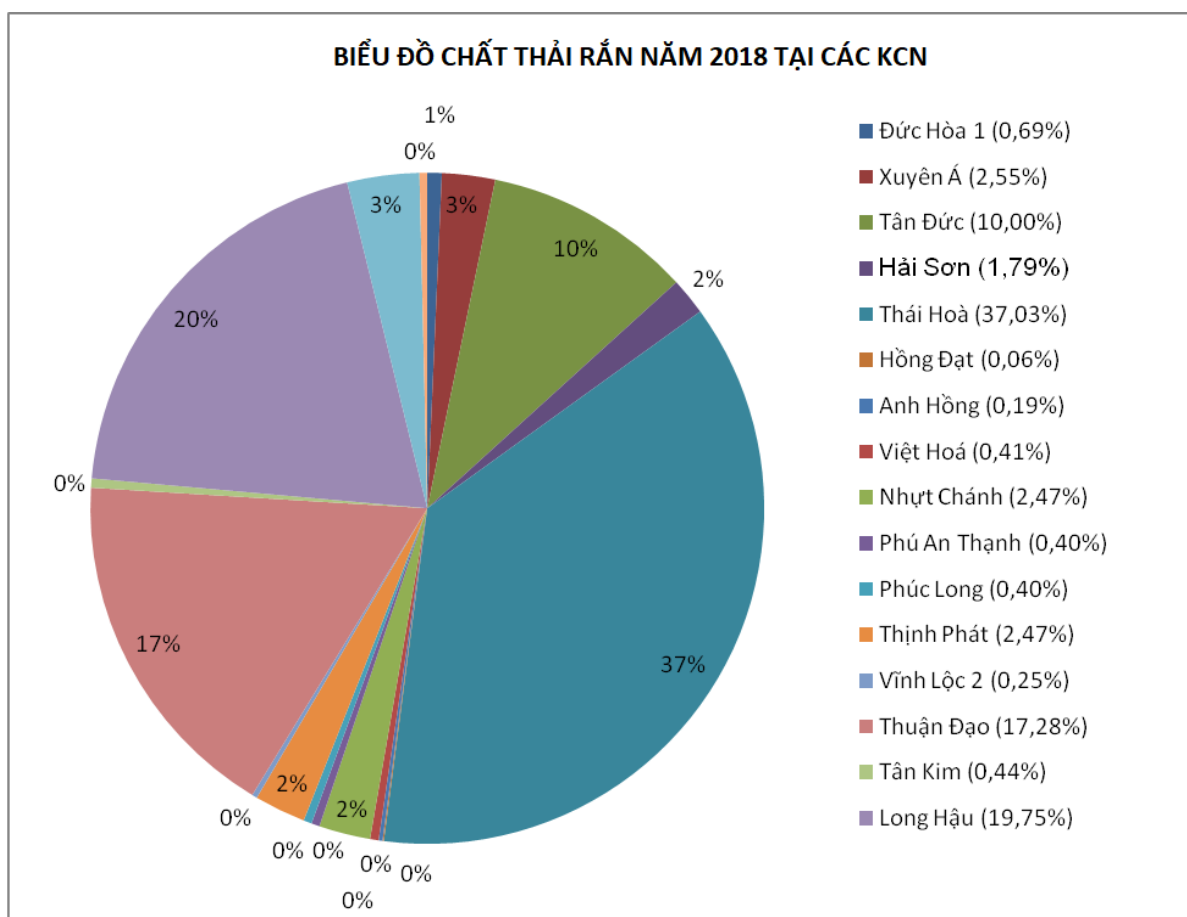
STT	Tên khu công nghiệp	CTR thông thường (kg/tháng)	Chất thải nguy hại (kg/tháng)	Số lượng đơn vị được cấp Sổ chủ CTNH
1	Đức Hòa 1	5.600	500	30
2	Xuyên Á	20.650	3.000	53
3	Tân Đức	81.000	2.000	72
4	Hải Sơn	14.500	400	71
5	Tân Đô	Chưa thống kê được		6
6	Thái Hoà	300.000	800	23
7	Hồng Đạt	500	230	6
8	Anh Hồng	1.500	40	4
9	Việt Hoá	3.350	120	1
10	Nhựt Chánh	20.000	35	18
11	Phú An Thạnh	3.200	30	4
12	Phúc Long	3.200	50	3
13	Thịnh Phát	20.000	50	10
14	Vĩnh Lộc 2	2.000	50	3
15	Thuận Đạo	140.000	27.000	12
16	Tân Kim	3.600	230	20
17	Long Hậu	160.000	1.200	58
18	Cầu Tràm	28.000	300	7
19	Long Hậu -	3.000	25	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>810.100</b>	<b>36.110</b>	<b>403</b>

**Bảng 2.6: Khối lượng chất thải phát sinh và số lượng đơn vị được cấp Sổ chủ nguồn thải CTNH tại các KCN năm 2018**

Với 750 cơ sở đi vào hoạt động tổng lượng chất thải rắn phát sinh ước tính khoảng 810.1 tấn/tháng chất thải thông thường và 36.11 tấn/tháng chất thải nguy hại. Đối với chất thải rắn sinh hoạt: tất cả doanh nghiệp thu gom và lưu chứa trong các

thùng rác sinh hoạt bằng nhựa có nắp đậy và vận chuyển về vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt trong Công ty và hợp đồng với Công ty thu gom rác địa phương thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý với tần suất thu gom từ 2-3 lần/tuần.

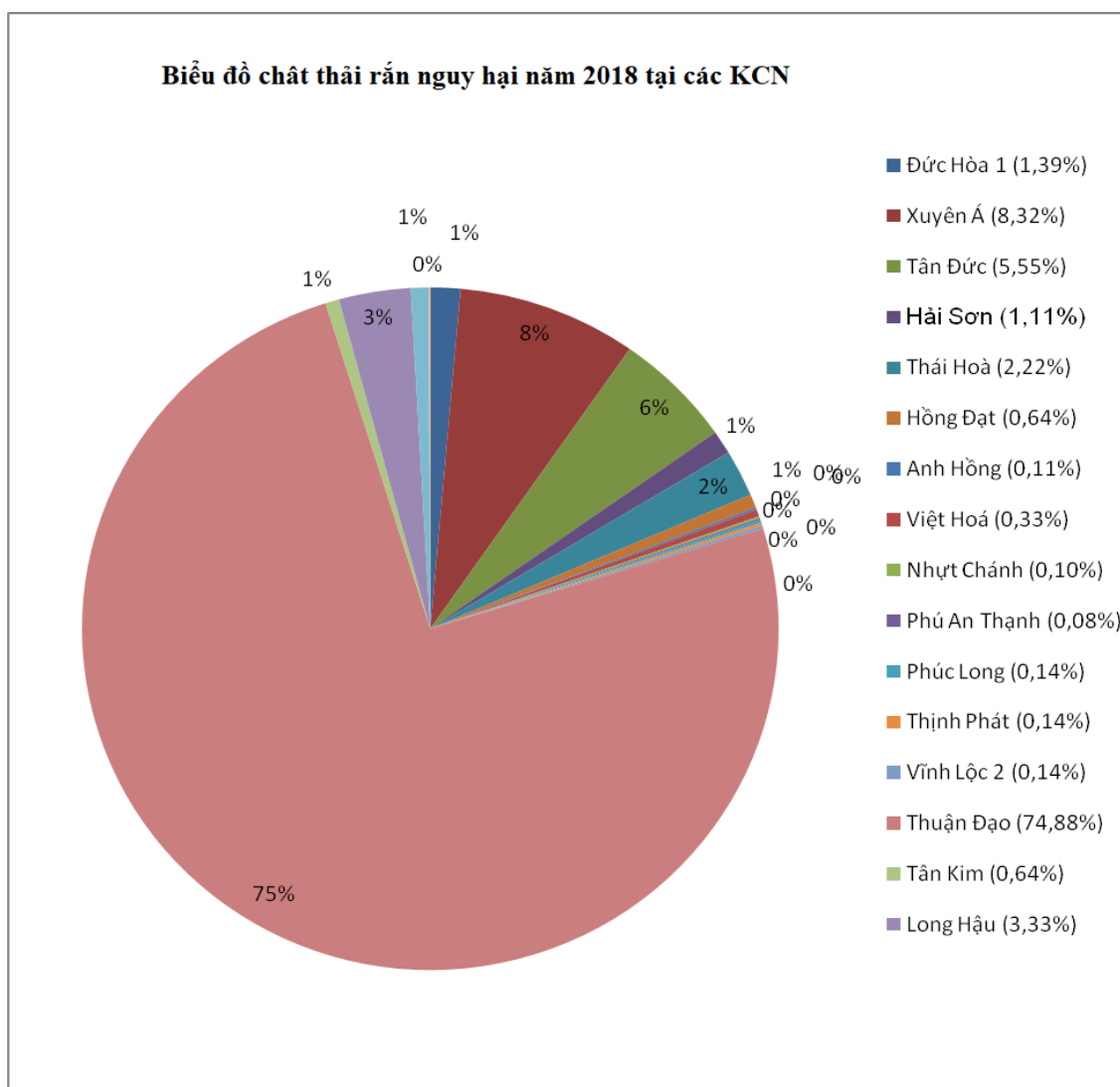
- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: khối lượng phát sinh khoảng 154 tấn/ngày trong đó có 141 cơ sở sản xuất tái sử dụng một phần, 226 đơn vị thu gom bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua phế liệu, 51 cơ sở xử lý chung với rác sinh hoạt và 268 cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý. Nhìn chung, chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở sản xuất đều được thu gom và bố trí lưu trữ tạm thời tại khu vực lưu chứa chất thải rắn trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.



**Hình 2.22: Biểu đồ thất thải rắn tại các KCN năm 2018**

- Đối với CTNH: khối lượng phát sinh khoảng 1.2 tấn/ngày được chủ cơ sở thu gom, phân loại và lưu chứa trong các kho chứa CTNH có nền bê tông, được dán

nhân đúng theo quy định. Theo số liệu khảo sát năm 2017, trong 434 cơ sở phát sinh CTNH thì có 358 cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý lượng CTNH phát sinh đúng theo quy định. Những cơ sở còn lại do lượng CTNH phát sinh quá ít nên còn lưu trữ trong kho chứa và chưa thể hợp đồng thu gom, xử lý lượng chất thải này.



**Hình 2.23: Biểu đồ chất thải rắn nguy hại tại các KCN năm 2018**

## **CHƯƠNG 3:**

# **HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KCN**

### **3.1 Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.**

#### **3.1.1 Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường**

Công tác thanh tra, kiểm tra là nhiệm vụ thường xuyên, là công cụ hiệu quả trong quản lý nhất nhà nước, nhất là đối với công tác quản lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường. Do đó UBND tỉnh Long An thường xuyên chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chuyên môn liên quan và các địa phương phải thường xuyên tập trung thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm sau cấp phép đối với tất cả các cơ sở trong và ngoài KCN.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện đều xây dựng kế hoạch thanh, kiểm tra kiểm soát ô nhiễm về công tác bảo vệ môi trường đối với các đơn vị hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung vào các loại hình ngành nghề có nguy cơ ô nhiễm cao như dệt nhuộm, giết mổ gia súc gia cầm, xi mạ, tái chế chất thải và phế liệu, thuộc da...

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 06 năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đã tiến hành 192 cuộc thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường đối với 231 tổ chức và cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 81 trường hợp có sai phạm với tổng số tiền là 11.087.338.000 đồng. Cụ thể theo bảng tổng hợp sau:[12]



Năm	Số cuộc thanh tra kiểm tra			Đối tượng được thanh tra, kiểm tra			Số trường hợp có vi phạm và bị xử phạt vi phạm hành chính			Tổng số tiền xử phạt (đồng)
	Tổng số	Trong đó chia ra		Tổng số	Trong đó chia ra		Tổng số	Trong đó chia ra		
		Theo kế hoạch	Đột xuất		Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân	
2015	38	5	33	38	38	0	02	02	0	776.238.000
2016	26	0	26	61	57	04	01	01	0	212.260.000
2017	60	0	60	60	54	06	26	26	0	1.544.610.000
2018	54	0	54	56	44	12	33	27	06	5.987.780.000
2019	19	0	19	16	16	0	19	18	01	2.566.450.000
<b>Tổng</b>	<b>192</b>	<b>5</b>	<b>187</b>	<b>231</b>	<b>209</b>	<b>22</b>	<b>81</b>	<b>74</b>	<b>07</b>	<b>11.087.338.000</b> <b>0</b>

**Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường từ 2015 – 2019.**

TT	Năm	Số cuộc thanh tra	Số vụ vi phạm	Các hình thức vi phạm										
				Thực hiện không đúng không đầy đủ các nội dung báo cáo ĐTM	Không có ĐTM hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường	Vi phạm về quản lí chất thải nguy hại	Thực hiện không đúng không đầy đủ về chế độ báo cáo	Xả chất thải vượt quy chuẩn cho phép	Kê khai thiếu hoặc không nộp phí BVMT	Xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường	Không xây lắp công trình xử lý môi trường	Thực hiện không đúng chương trình quan trắc	Không đầu nước thải vào hệ thống XLNT tập trung	Không vận hành công trình BVMT
1	2015	38	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
2	2016	26	61	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	2
3	2017	60	34	6	10	0	0	11	0	0	2	4	1	0
4	2018	54	32	5	15	3	1	8	0	0	2	0	2	0
5	2019	19	18	13	2	3	0	13	0	0	0	0	0	0

### **Bảng 3.2: Các hình thức vi phạm trong công tác thanh tra, kiểm tra**

Qua bảng thống kê trên ta thấy tổ chức cá nhân vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường qua từng năm có dấu hiệu tăng rất nhanh cụ thể: năm 2015 là 5.26%, 2016 là 3.84%, 2017 là 43%, 2018 là 60%, nửa năm 2019 gấp 100%. Dựa vào số liệu thực tế ta thấy các doanh nghiệp ngày càng có chiều hướng cố tình vi phạm vì thực tế số tiền đóng phạt còn rất thấp so với chi phí xây dựng và vận hành các công trình xử lý. Số lượng Doanh nghiệp quá nhiều so với các cán bộ quản lý từ số liệu ta thấy đã có 192 cuộc thanh tra từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2019 nhưng chỉ kiểm soát được 231 trên tổng số 750 tổ chức. Hầu hết các cơ sở sản xuất thường mắc cái lỗi vi phạm như: xả chất thải vượt quy chuẩn cho phép, không có ĐTM hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường, thực hiện không đúng không đầy đủ các nội dung báo cáo ĐTM hoặc bản cam kết BVMT, vi phạm về quản lý chất thải nguy hại, kê khai thiếu hoặc không nộp phí BVMT, xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường, không xây lắp công trình xử lý môi trường, thực hiện không đúng chương trình quan trắc, không đấu nước thải vào hệ thống XLNT tập trung, không vận hành công trình BVMT. Qua đó cho thấy hệ thống XLNT của cơ sở sản xuất còn chưa đạt quy chuẩn đầu ra, doanh nghiệp còn chưa nhận thức được ý nghĩa cốt lõi của BVMT.

#### **3.1.2. Trình tự thủ tục thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường**

##### ***\* Bước 1. Chuẩn bị kiểm tra:***

Căn cứ vào chương trình kế hoạch hàng năm, hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo đơn vị, hoặc theo phản ánh của cử tri, người dân và đơn thư của báo đài chuyển đến => tiến hành xác định đối tượng kiểm tra, thu thập thông tin, hồ sơ, tài liệu cần thiết liên quan đến đối tượng cần kiểm tra.

##### ***\* Bước 2. Ban hành Quyết định kiểm tra, lập kế hoạch kiểm tra:***

Quyết định, Kế hoạch kiểm tra phải ghi rõ tên đối tượng kiểm tra, địa chỉ, thời gian dự kiến tiến hành kiểm tra, nội dung kiểm tra, chế độ kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra, phương pháp kiểm tra, đơn vị trung cầu giám định lấy mẫu chất thải (nếu

có). Trong trường hợp cấp thiết có thể tiến hành kiểm tra ngay mà không cần phải ban hành Quyết định, Kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

***\* Bước 3. Tiến hành kiểm tra thực tế tại đối tượng kiểm tra:***

Việc tiến hành kiểm tra thực tế phải được lập thành biên bản. Nội dung của biên bản kiểm tra trên lĩnh vực bảo vệ môi trường: Tên chính xác đối tượng kiểm tra, người đại diện theo pháp luật, địa chỉ và số điện thoại cần liên lạc, loại hình ngành nghề đang hoạt động, diện tích, quy mô công suất hoạt động, tình trạng hồ sơ môi trường, giám sát môi trường định kỳ, sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại, các hợp đồng thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại; các biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường về nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, làm rõ về lưu lượng và khối lượng các chất thải phát sinh. Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp các hồ sơ giấy tờ có liên quan đến nội dung kiểm tra. Ghi rõ số mẫu chất thải và vị trí lấy mẫu và tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính (nếu có). Biên bản kiểm tra phải được đối tượng kiểm tra ký tên xác nhận.

***\* Bước 4. Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra:***

Trong báo cáo phải thể hiện đầy đủ thông tin về hồ sơ pháp lý, hiện trạng thực tế của đối tượng kiểm tra. Trên cơ sở hồ sơ pháp lý và hiện trạng thực tế của đơn vị so sánh đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan mà chúng ta có nhận xét, kết luận và đề xuất biện pháp xử lý và xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).

***\* Bước 5. Công bố dự thảo kết luận thanh tra, kiểm tra:***

Trong trường hợp cần thiết chúng ta có thể mời đối tượng kiểm tra đến công bố dự thảo kết quả kiểm tra và hướng đề xuất xử lý trước khi trình trình Lãnh đạo phê duyệt kết luận chính thức. Việc công bố dự thảo kết luận kiểm tra nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng được thanh tra, kiểm tra có ý kiến báo cáo giải trình thêm về những tồn tại, hạn chế đối với những nội dung được thanh tra, kiểm tra. Đồng thời đây

cũng là một bước quan trọng trong việc công khai, minh bạch nội dung kết luận thanh tra.

***\* Bước 6. Hoàn chỉnh dự thảo kết luận thanh tra, kiểm tra:***

Đoàn thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm xem xét các ý kiến giải trình của đối tượng được thanh tra, kiểm tra để hoàn chỉnh dự thảo kết luận thanh tra, kiểm tra trình Giám đốc sở kết luận chính thức.

***\* Bước 7. Công bố kết luận thanh tra, kiểm tra:***

Việc công bố kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản và được các bên ký tên xác nhận vào biên bản, trong biên bản công bố phải thể hiện được ý kiến của đối tượng kiểm tra về việc thống nhất hay không thống nhất, đồng ý hoặc đồng không ý hoặc có ý kiến bổ sung nào khác, lý do không thống nhất hoặc không đồng ý.

***\* Bước 8: Tiến hành các trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính:***

- Lập biên bản vi phạm hành chính: Mời người vi phạm hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức vi phạm đến làm việc và lập Biên bản vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính phải được người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký tên xác nhận. Trường hợp người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm không đồng ý ký tên phải ghi rõ lý do.

- Tham mưu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Cán bộ trực tiếp thụ lý vụ việc trình Người có thẩm quyền xử phạt ký quyết định xử phạt. Trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt cấp dưới vẫn phải lập biên bản vi phạm hành chính đối với đối tượng vi phạm sau đó chuyển giao toàn bộ hồ sơ vụ việc (bản chính) và có văn bản trình đến người có thẩm quyền xử phạt cấp trên trực tiếp xử lý vụ việc.

***\* Bước 9: Giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính.***

Sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thì đơn vị thụ lý trực tiếp vụ việc có trách nhiệm bàn giao Quyết định xử phạt đến đối tượng bị xử phạt đồng thời

có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện quyết định xử phạt. Việc giao quyết định xử phạt phải được lập thành biên bản.

**\* *Bước 10: Kiểm tra sau quyết định xử phạt:***

Đơn vị thụ lý trực tiếp vụ việc có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Quyết định xử phạt của đối tượng vi phạm; Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định xử phạt đối với đối tượng bị xử phạt. Việc tổ chức hậu kiểm tra sau Quyết định xử phạt phải được lập thành biên bản; Trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành Quyết định xử phạt thì tổ chức cưỡng chế thi hành.

**3.1.3 Thực tế kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại một số doanh nghiệp.**

**3.1.3.1 Kiểm tra Công ty Cổ phần Tập đoàn KT:**

*Bước 1. Chuẩn bị kiểm tra:* Cuối tháng 10/2018, qua phản ánh của người dân, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đã xác định Công ty Cổ phần Tập Đoàn KT hoạt động với ngành nghề sản xuất que hàn; địa chỉ: Cụm công nghiệp Kiến Thành, xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An là đối tượng để tiến hành kiểm tra. Qua đó, thanh tra Sở xác định các đơn vị có liên quan để tham gia phối hợp kiểm tra gồm: Phòng Quản lý Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Đước, UBND xã Long Cang, đơn vị trưng cầu cầu tham gia lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải là Trung tâm dịch vụ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Để đảm bảo vệ kiểm tra được khách quan, Thanh tra Sở xác định cần phải tiến hành kiểm tra đột xuất.

*Bước 2: Ban hành Quyết định và xây dựng kế hoạch kiểm tra:*

Sau khi xác định được đối tượng kiểm tra và loại hình ngành nghề hoạt động của đơn vị cần được kiểm tra, ngày 05/11/2018, Thanh tra Sở tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 1918/QĐ-STNMT kiểm tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn KT.

Sau khi tham mưu ban hành Quyết định kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra họp các thành viên Đoàn kiểm tra để bàn bạc thống nhất kế hoạch và phân công nhiệm vụ thực hiện cho từng thành viên đoàn kiểm tra. Ban hành kế hoạch kiểm tra ngày 06/11/2018.

*Bước 3. Kiểm tra thực tế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn KT:*

Ngày 13/11/2018, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đột xuất đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn KT. Sau khi tiếp cận với người có thẩm quyền của Công ty Cổ phần Tập đoàn KT, Trưởng đoàn kiểm tra tiến hành công bố Quyết định kiểm tra (việc công bố quyết định kiểm tra được lập thành biên bản). Sau khi công bố Quyết định kiểm tra, Đoàn kiểm tra tiến hành ngay việc kiểm tra hiện trạng để xác định các nguồn có khả năng gây ô nhiễm tiến hành lấy mẫu chất thải để phân tích làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý môi trường của Công ty. Sau khi kiểm tra hiện trạng, Đoàn kiểm tra tiến hành làm việc với Công ty để làm rõ thêm về các nội dung kiểm tra và thu thập các hồ sơ tài liệu có liên quan. Đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản kiểm tra thực tế tại Công ty và lập biên bản lấy mẫu chất thải làm cơ sở cho kết luận kiểm tra.

*Bước 4. Báo cáo kết quả kiểm tra:*

Căn cứ theo biên bản kiểm tra hiện trạng ghi nhận thực tế về công tác bảo vệ môi trường vào ngày 13/11/2018 cùng với các hồ sơ có liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn KT và kết quả phân tích mẫu chất thải do Trung tâm dịch vụ tài nguyên và môi trường cung cấp, Đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra đề xuất biện pháp xử lý trình Giám đốc Sở phê duyệt. Theo đó, Đoàn kiểm tra ghi nhận kết quả kiểm tra và đề xuất biện pháp xử lý đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn KT với những nội dung trọng tâm như sau:

- *Về hiện trạng hoạt động:* Công ty Cổ phần Tập đoàn KT bắt đầu hoạt động từ năm 2012, tổng diện tích khuôn viên Công ty là 56,123 m<sup>2</sup>. Công ty có 01 nhà xưởng với tổng diện tích 27.000 m<sup>2</sup> với các loại hình hoạt động sản xuất: sản xuất que hàn công suất 4.000-5.000 tấn/năm, sản xuất dây hàn với công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm, sản xuất đinh thép công suất 4.200 tấn sản phẩm/ năm, sản xuất hộp nhựa với

công sửa 86 tấn sản phẩm/năm. Công ty sử dụng nước từ Công ty TNHH đầu tư phát triển hạ tầng Hoàng Long lượng nước sử dụng trung bình khoảng 5.000m<sup>3</sup>/ tháng (190m<sup>3</sup>/ngày đêm), sử dụng cho mục đích sản xuất, sinh hoạt và cung cấp cho lò hơi, tưới cây, cho hệ thống lọc nước RO.

- *Về hồ sơ môi trường*: Công ty Cổ phần Tập đoàn KT đã được UBND tỉnh Long An phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định 777/QĐ-UBND ngày 09/3/2012. Vào thời điểm kiểm tra, Công ty có phát sinh thêm công đoạn nghiền Fe-Mn nhưng chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, theo giải trình của Công ty do nhu cầu, chủ động sản xuất và nhằm giảm giá thành sản xuất nên Công ty đã lắp đặt và đưa vào vận hành công đoạn nghiền Fe-Mn kể từ ngày 07/11/2018.

- *Về thực hiện giám sát môi trường định kỳ*: Theo Báo cáo DTM được phê duyệt thì tần suất giám sát môi trường đối với nước thải, khí thải phát sinh là 03 tháng/lần (04 lần/năm). Tuy nhiên, năm 2017 – 2018 Công ty thực hiện giám sát môi trường chỉ 03 lần/năm và không thực hiện giám sát định kỳ đối với bùn thải theo như báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- *Về nước thải*: Nước thải phát sinh với lưu lượng trung bình khoảng 50-55 m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Công ty xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải riêng biệt: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý nước thải phát sinh từ sinh hoạt của công nhân và nước thải từ nhà ăn với công suất thiết kế 45m<sup>3</sup>/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất với công suất thiết kế 100m<sup>3</sup>/ngày đêm. Vào thời điểm kiểm tra, nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của công nhân chưa được thu gom xử lý mà thải trực tiếp ra cống thoát nước mưa. Kết quả phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất có 3 thông số vượt giới hạn quy chuẩn cho phép: pH=2,4 thấp hơn tiêu chuẩn cho phép (5.5 – 9), sắt vượt 192.3 lần, đồng vượt 17.15 lần so với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải.

- *Về khí thải*: Khí thải phát sinh chủ yếu từ hệ thống lò hơi với công suất thiết kế 700 kg hơi/giờ sử dụng củi làm nhiên liệu đốt lò. Vào thời điểm kiểm tra, khí thải thoát trực tiếp ra môi trường qua ống khói cao 15 mét qua khỏi nóc nhà xưởng. Kết

quả phân tích mẫu khí thải tại thân ống khói có thông số CO vượt 1.12 lần so với quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) với lưu lượng khí thải là 1.967m<sup>3</sup>/h.

- *Về quản lý chất thải không nguy hại:* Rác thải sinh hoạt phát sinh là 50kg/ ngày, Công ty có hợp đồng thu gom với đơn vị tư nhân Huỳnh Thị Đăng. Rác thải công nghiệp là 10 tấn/tháng được bán phế liệu cho Công ty TNHH Ánh Dương Vina.

- *Về quản lý chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu gồm bùn thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, bao tay dính dầu nhớt thải, thùng sơn đã qua sử dụng; thùng đựng dầu nhớt thải đã qua sử dụng, bảng mạch điện tử thải, dầu nhớt thải. Công ty đã được Cơ quan chức năng cấp sổ chủ nguồn thải CTNH mã số quản lý CTNH: 80.000.585.T ngày 08/02/2018. Công ty hợp đồng với công ty TNHH Môi trường Chân Lý để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Tuy nhiên vào thời điểm kiểm tra, bùn thải và bóng đèn huỳnh quang thải Công ty tập kết ngoài trời không được tập kết và lưu trữ đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- *Các tồn tại hạn chế:* (1) Công ty có phát sinh thêm công đoạn nghiền Fe-Mn nhưng chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; (2) Giám sát môi trường định kỳ thiếu tần suất quy định; (3) Không thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân đưa về xử lý (4) Hệ thống xử lý nước thải sản xuất hoạt động không có hiệu quả, nước thải sau hệ thống xử lý có 03 thông số vượt quy chuẩn; (5) Không xây dựng hệ thống xử lý khí thải, khí thải thoát trực tiếp ra môi trường vượt quy chuẩn cho phép; (6) Chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty không được tập kết và lưu trữ đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- *Đề xuất biện pháp xử lý:* Với các tồn tại hạn chế trên, Đoàn thanh tra đề xuất xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn KT với 06 hành vi vi phạm, tổng số tiền xử phạt là 692.220.000 đồng. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động trong thời gian 4,5 tháng và áp dụng các biện pháp khác phục hậu quả như: (1) Tháo dỡ toàn bộ dây chuyền nghiền Fe-Mn; (2) Cải tạo, nâng cấp lại hệ thống xử lý nước thải và thu gom triệt để nước thải



phát sinh xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi cho thoát ra nguồn tiếp nhận; (3) lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý khí thải lò hơi; (4) thu gom quản lý chất thải nguy hại đúng quy định pháp luật về quản lý chất thải nguy hại; (5) tiến hành giám sát môi trường định kỳ đúng, đủ tần suất theo quy định; (xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành.

#### *Bước 5. Công bố dự thảo kết luận thanh tra*

Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra đã được Giám đốc Sở phê duyệt, Đoàn kiểm tra dự thảo Kết luận kiểm tra. Ngày 15/01/2019, Đoàn kiểm tra mời Công ty Cổ phần Tập đoàn KT đến làm việc để công bố dự thảo kết luận kiểm tra. Việc công bố dự thảo kết luận kiểm tra được lập thành biên bản.

#### *Bước 6. Hoàn chỉnh dự thảo kết luận và trình ký kết luận chính thức*

Sau khi công bố dự thảo kết luận kiểm tra, Đoàn kiểm tra sẽ cân nhắc xem xét tiếp thu hoặc không tiếp thu các ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Tập đoàn KT, hoàn chỉnh dự thảo kết luận kiểm tra. Ngày 17/4/2019 Giám đốc Sở ký kết luận chính thức (Kết luận số 410/KL-STNMT).

#### *Bước 7. Công bố kết luận và xử phạt vi phạm hành chính.*

Ngày 24/4/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường mời Công ty Cổ phần Tập đoàn KT đến công bố kết luận kiểm tra số 410/KL-STNMT ngày 17/4/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kết luận kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn KT. Việc công bố kết luận kiểm tra được lập thành biên bản.

Sau khi công bố kết luận kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC ngày 24/4/2019 và ban hành Quyết định số 17/QĐ-VPHC ngày 24/4/2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn KT về các hành vi vi phạm được thể hiện trong kết luận.

Cùng ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường đã bàn giao quyết định số 17/QĐ-XPVPHC ngày 24/4/2019 của Chánh Thanh tra Sở cho Công ty Cổ phần Tập đoàn KT để chấp hành. Việc bàn giao quyết định xử phạt được lập thành biên bản.

Hiện tại, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đang giám sát việc thực hiện các nội dung Kết luận số 410/KL-STNMT ngày 17/4/2019 của Giám đốc Sở và Quyết định số 17/QĐ-XPVPHC ngày 24/4/2019 của Chánh Thanh tra Sở và sẽ có kiểm tra việc chấp hành đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn KT trong thời gian tới.

### **3.1.3.2 Kiểm tra Công ty bê tông HS:**

*Bước 1. Chuẩn bị kiểm tra:* Qua thông tin báo chí, Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An xác định cần phải tiến hành kiểm tra việc chấp hành công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty bê tông HS, địa chỉ: xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do đó, Giám đốc Sở chỉ đạo Thanh tra Sở thực hiện các trình tự thủ tục tiến hành kiểm tra đối với Công ty bê tông HS theo quy định. Thực hiện chỉ đạo của Giám đốc Sở, Thanh tra Sở xác định các đơn vị có liên quan để tham gia phối hợp kiểm tra gồm: Phòng Quản lý Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Hòa, UBND xã Đức Hòa Hạ, đơn vị trung cầu cầu tham gia lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải là Trung tâm dịch vụ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Để đảm bảo vệ kiểm tra được khách quan, Thanh tra Sở xác định cần phải tiến hành kiểm tra đột xuất.

*Bước 2: Ban hành Quyết định và xây dựng kế hoạch kiểm tra:*

Sau khi xác định được đối tượng kiểm tra và loại hình ngành nghề hoạt động của đơn vị cần được kiểm tra, ngày 08/5/2019, Thanh tra Sở tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 773/QĐ-STNMT kiểm tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty bê tông HS.

Cùng ngày, Trưởng Đoàn kiểm tra họp các thành viên Đoàn kiểm tra để bàn bạc thống nhất xây dựng kế hoạch kiểm tra.

*Bước 3. Kiểm tra thực tế tại Công ty bê tông HS:*

Ngày 10/5/2019, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đột xuất đối với Công ty bê tông HS. Sau khi tiếp cận với người có thẩm quyền của Công ty bê tông HS, Trưởng đoàn kiểm tra tiến hành công bố Quyết định kiểm tra (việc công bố quyết định kiểm tra được lập thành biên bản). Sau khi công bố Quyết định kiểm tra, Đoàn kiểm tra tiến hành ngay việc kiểm tra hiện trạng để xác định các nguồn có khả năng gây ô nhiễm tiến hành lấy mẫu chất thải để phân tích làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý môi trường của Công ty. Sau khi kiểm tra hiện trạng, Đoàn kiểm tra tiến hành làm việc với Công ty để làm rõ thêm về các nội dung kiểm tra và thu thập các hồ sơ tài liệu có liên quan. Đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản kiểm tra thực tế tại Công ty và lập biên bản lấy mẫu chất thải làm cơ sở cho kết luận kiểm tra.

*Bước 4. Báo cáo kết quả kiểm tra:*

Căn cứ theo biên bản kiểm tra hiện trạng ghi nhận thực tế về công tác bảo vệ môi trường vào ngày 10/5/2019 cùng với các hồ sơ có liên quan của Công ty bê tông HS và kết quả phân tích mẫu chất thải do Trung tâm dịch vụ tài nguyên và môi trường cung cấp, Đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra đề xuất biện pháp xử lý trình Giám đốc Sở phê duyệt. Theo đó, Đoàn kiểm tra ghi nhận kết quả kiểm tra và đề xuất biện pháp xử lý đối với Công ty bê tông HS với những nội dung trọng tâm như sau:

- *Về hiện trạng hoạt động:* Công ty bê tông HS bắt đầu hoạt động từ năm 2017, tổng diện tích khuôn viên Công ty là 8.850 m<sup>2</sup>. Ngành nghề: sản xuất bê tông tươi với công suất 40-45 m<sup>3</sup> bê tông tươi thành phẩm/ngày (tương đương 95 tấn bê tông tươi thành phẩm/ngày). Công ty sử dụng nước từ Công ty cổ phần cấp nu7o1c Phú Hưng Long và giếng khoan nằm trong khuôn viên Công ty với lưu lượng khoảng 200 m<sup>3</sup>/ngày.

- *Về hồ sơ môi trường:* Công ty chưa lập hồ sơ môi trường.

- *Về nước thải*: Nước thải phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh trạm trộn, rửa xe bồn, sân bãi, nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 08 m<sup>3</sup>/ngày được Công ty thu gom qua hệ thống 04 ao lắng sau đó thoát ra hồ thu nước phía trước Công ty sau đó xả cống thoát nước chung của đường tỉnh 825. Kết quả phân tích mẫu nước tại hồ gas trước khi thoát ra đường tỉnh 825 có thông số chất rắn lơ lửng vượt 11,37 lần so với giới hạn quy chuẩn cho phép.

- *Về quản lý chất thải không nguy hại*: Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là túi nylon, hộp xốp, đồ ăn thải được thu gom, hợp đồng với Công ty TNHH Toàn Toàn Phú thu gom và vận chuyển. Chất thải rắn công nghiệp phát sinh hoạt động sản xuất được Công ty thu gom bán cho đơn vị có nhu cầu.

- *Về quản lý chất thải nguy hại*: Chất thải nguy hại phát sinh ít chủ yếu gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải; dầu nhớt thải đã qua sử dụng được Công ty hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố Hồ Chí thu gom, vận chuyển và xử lý.

- *Các tồn tại hạn chế*: (1) Chưa lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định; (2) Xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép;

- *Đề xuất biện pháp xử lý*: Với các tồn tại hạn chế trên, Đoàn thanh tra đề xuất xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty bê tông HS với 02 hành vi vi phạm, tổng số tiền xử phạt là 170.000.000 đồng. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động đối với dự án sản xuất bê tông tươi tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa.

#### *Bước 5. Công bố dự thảo kết luận thanh tra*

Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra đã được Giám đốc Sở phê duyệt, Đoàn kiểm tra dự thảo Kết luận kiểm tra.

Ngày 19/6/2019, Thanh tra Sở có Văn bản số 54/TTr đồng gửi dự thảo kết luận kiểm tra để Công ty bê tông HS có ý kiến giải trình, góp ý bằng văn bản thay cho việc công bố dự thảo kết luận kiểm tra.

*Bước 6. Hoàn chỉnh dự thảo kết luận và trình ký kết luận chính thức*

Ngày 28/6/2019, Công ty bê tông HS có Văn bản số 02/CV-TNMT giải trình, góp ý về nội dung dự thảo kết luận kiểm tra. Sau khi có văn bản giải trình của Công ty bê tông HS, Đoàn kiểm tra sẽ cân nhắc xem xét tiếp thu các ý kiến giải trình của Công ty bê tông HS, hoàn chỉnh dự thảo kết luận kiểm tra. Ngày 23/7/2019 Giám đốc Sở ký kết luận chính thức (Kết luận số 875/KL-STNMT).

*Bước 7. Công bố kết luận kiểm tra:*

Sau khi có kết luận chính thức, Thanh tra Sở gửi Kết luận kiểm tra cho Công ty bê tông HS thông qua đường bưu điện thay cho việc công bố kết luận.

*Bước 8. Xử phạt vi phạm hành chính.*

Ngày 29/7/2019, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường mời Công ty bê tông HS đến làm việc và tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 27/BB-VPHC ngày 29/7/2019 và có Tờ trình số 616/TTr-STNMT ngày 31/7/2019 trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt trên lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty bê tông HS. Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt, Thanh tra Sở sẽ mời Công ty bê tông HS đến công bố và bàn giao quyết định xử phạt theo quy định.

**3.1.3.3 Kiểm tra Công ty trách nhiệm hữu hạn DN:**

*Bước 1: Chuẩn bị kiểm tra:* Theo kế hoạch được phê duyệt ngay từ đầu năm 2019, Thanh tra Sở xác định các đơn vị có liên quan để tham gia phối hợp kiểm tra gồm: Phòng Quản lý Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bến Lức, UBND xã Nhựt Chánh, đơn vị trưng cầu cầu tham gia lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải là Trung tâm dịch vụ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Vì là kiểm tra theo kế hoạch nên để đảm bảo đúng quy định của pháp luật phải thông báo cho Công ty biết trước 05 ngày trước khi tiến hành kiểm tra.

*Bước 2: Ban hành Quyết định và xây dựng kế hoạch kiểm tra:*

Thanh tra Sở tham mưu Giám đốc Sở ban hành Quyết định 732/QĐ-STNMT ngày 02/5/2019 kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN.

Cùng ngày, Trưởng Đoàn kiểm tra họp các thành viên Đoàn kiểm tra để bàn bạc thống nhất xây dựng kế hoạch kiểm tra.

*Bước 3. Kiểm tra thực tế tại Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN:*

Ngày 17/06/2019 và ngày 21/5/2019, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN với các nội dung kiểm tra như: Thủ tục hồ sơ môi trường, thực hiện giám sát môi trường định kỳ, các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động (nước thải, khí thải, chất thải nguy hại, chất thải không nguy hại) và biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải phát sinh, lấy mẫu nước thải, khí thải để phân tích đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý môi trường... Việc kiểm tra được lập thành biên bản.

*Bước 4. Báo cáo kết quả kiểm tra:*

Căn cứ theo biên bản kiểm tra hiện trạng ghi nhận thực tế về công tác bảo vệ môi trường vào ngày 17/06/2019 và ngày 21/5/2019 cùng với các hồ sơ có liên quan của Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN và kết quả phân tích mẫu chất thải do Trung tâm dịch vụ tài nguyên và môi trường cung cấp, Đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra đề xuất biện pháp xử lý trình Giám đốc Sở phê duyệt. Theo báo cáo, Đoàn kiểm tra ghi nhận không có tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường tại Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN.

*Bước 5. Công bố kết luận thanh tra*

Vì Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN không có tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường nên Đoàn kiểm tra bỏ qua việc công bố dự thảo kết luận kiểm tra, hoàn chỉnh dự thảo trình Giám đốc Sở ký kết luận chính thức sau đó gửi kết luận thanh tra

đến Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN thay cho công bố kết luận kiểm tra. Kết thúc cuộc thanh tra.

#### **3.1.3.4. Nhận xét chung về việc công tác thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực bảo vệ môi trường:**

Nhìn chung, công tác thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực bảo vệ môi trường thường được tiến hành đột xuất nhằm mục đích để đảm bảo việc kiểm tra được khách quan, tránh trường hợp có thông báo trước thì đơn vị được kiểm tra sẽ có chuẩn bị để đối phó làm giảm đi tính trung thực và khách quan về việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp đặc biệt là về quản lý các chất thải phát sinh. Thực tế cho thấy, việc kiểm tra tại Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN được tiến hành theo kế hoạch có thông báo trước cho đơn vị kiểm tra được biết nên khó phát hiện được các tồn tại hạn chế của Công ty.

Về trình tự thủ tục tiến hành thanh tra được thực hiện đúng quy định, trong đó việc công bố dự thảo kết luận kiểm tra có thể được tiến hành bằng hình thức mời đến công bố trực tiếp hoặc có văn bản yêu cầu giải trình góp ý; đối với việc công bố kết luận thanh tra chính thực cũng được thực hiện bằng cách công bố trực tiếp hoặc gửi kết luận qua đường bưu điện. Các hình thức công bố dự thảo và kết luận như thực tế thanh tra tại Công ty Cổ phần Tập đoàn KT, Công ty bê tông HS và Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN là đều đúng theo quy định. Về việc bỏ qua công đoạn công bố dự thảo kết luận kiểm tra đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN cũng nằm trong phạm vi cho phép khi tiến hành một cuộc thanh tra vì đối với trường hợp của Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN không cần thiết phải tiến hành công bố dự thảo kết luận kiểm tra.

### **3.2 Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **3.2.1 Khái quát những kết quả tích cực**

Thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong nhiều năm qua, tỉnh luôn quan tâm công tác thu hút đầu tư, nhất là vào các KCN, từ đó đóng góp rất quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng GDP, tăng nguồn thu ngân sách nhà nước. Công tác bảo vệ môi trường nhìn chung

được doanh nghiệp đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp đầu tư thứ cấp quan tâm, cố gắng thực hiện hồ sơ môi trường, xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải. Ủy ban nhân dân Tỉnh, các ngành chức năng và địa phương đã triển khai thực hiện khá tốt, chủ động ban hành các quy định có liên quan về bảo vệ môi trường; thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng các công trình bảo vệ môi trường KCN; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp và xử phạt theo quy định đối với các doanh nghiệp vi phạm.

Về ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Long An. Về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao: Nhìn chung, các Công ty hạ tầng cũng như các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đều thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ, thủ tục bảo vệ môi trường trước khi bắt đầu triển khai dự án và trong giai đoạn vận hành của dự án đúng theo quy định. Số liệu quan trắc hiện trạng môi trường tại các khu công nghiệp đang hoạt động từ năm 2015 đến nay thì chất lượng môi trường không khí xung quanh các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh còn khá tốt và chưa có dấu hiệu ô nhiễm; nước thải từ các khu công nghiệp luôn được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường.

### **3.2.2. Khái quát các tồn tại, hạn chế**

Trong quá trình thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- *Bất cập từ cơ quan quản lý Nhà nước:* Có sự chùng chéo trong kiểm tra công tác bảo vệ môi trường giữa cơ quan quản lý nhà nước và lực lượng cảnh sát môi trường. Căn cứ vào tình hình thực tế về thanh tra kiểm tra công tác BVMT trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua cho thấy lực lượng Cảnh sát môi trường vẫn có thẩm quyền tiến hành kiểm tra hành chính về bảo vệ môi trường đối với các đơn vị hoạt



động sản xuất kinh doanh giống như lực lượng thanh tra bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

*- Những hạn chế trong việc tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại các KCN :*

+ Các KCN đã đi vào hoạt động, nhưng hệ thống thu gom nước thải chưa thu gom triệt để nước thải của doanh nghiệp đầu tư thứ cấp; Một số doanh nghiệp hoạt động nhưng không có hồ sơ môi trường theo quy định; không tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cố tình vi phạm, bị cơ quan chức năng phát hiện, xử phạt.

+ Nhà máy XLNT tập trung vận hành chưa hiệu quả, thường xuyên gặp sự cố dẫn đến chưa đạt quy chuẩn xả thải, chưa được đầu tư hoặc đã đầu tư nhưng lại không vận hành. Việc đấu nối, thu gom, xả nước thải của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp đầu tư thứ cấp còn bất cập, khó kiểm soát.

+ Việc phát sinh mùi hôi, bụi, tiếng ồn trong quá trình sản xuất tại một số doanh nghiệp vẫn còn, chưa được xử lý tốt, gây ô nhiễm chéo. Trên thực tế có nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh thải ra môi trường mùi rất khó chịu và hôi thối nhưng chúng ta không thể xử phạt vi phạm hành chính với hành vi thải mùi hôi thối, khó chịu vào môi trường mặc dù Nghị định xử phạt vi phạm hành chính có quy định Điều Khoản để xử phạt.

+ Việc quản lý chung, trong đó có quản lý về môi trường đối với các đơn vị thuê lại mặt bằng nhà xưởng của doanh nghiệp đầu tư thứ cấp trong KCN để sản xuất, nhất là thuê lại một phần mặt bằng nhà xưởng hiện nay rất phức tạp, còn lỏng lẻo, khó kiểm soát.

+ Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch tại một số khu công nghiệp chưa hoàn chỉnh.

### 3.2.3 Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân về sự chông chéo trong kiểm tra công tác bảo vệ môi trường giữa cơ quan quản lý nhà nước và lực lượng cảnh sát môi trường: Ngày 18/9/2012, Bộ Công An đã ban hành Thông tư số 56/2012/TT-BCN quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Điều 6 Nghị định số 72/2010/NĐ-CP ngày 08/7/2010 của Chính phủ về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường quy định cho phép cảnh sát môi trường được tiến hành kiểm tra hành chính đột xuất.

- Nguyên nhân còn tồn tại một số hạn chế trong việc tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại các KCN:

*Thứ nhất*, do ý thức pháp luật của các các chủ doanh nghiệp chưa cao, tình trạng thiếu kiến thức về lĩnh vực môi trường còn khá phổ biến nên nhiều chủ thể chưa xác định được việc thực hiện pháp luật môi trường là quyền và nghĩa vụ của mình. Nhiều chủ thể chưa nắm được hết những quy định của Luật Bảo vệ môi trường, thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp chưa hiểu rõ thế nào là rác thải nguy hại thì làm sao có thể thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

*Thứ hai*, do thiếu vốn đầu tư cho các công trình xử lý ô nhiễm môi trường. Nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu có ý thức trong việc bảo vệ môi trường muốn đầu tư xây dựng công trình xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của mình nhưng chưa thể thực hiện tốt vì thiếu kinh phí. Việc xây dựng hệ thống nước thải tập trung của KCN được giao cho Công ty phát triển hạ tầng KCN đầu tư, chi phí để xây dựng hệ thống nước thải tập trung vào khoảng 15 - 30 tỷ đồng. Bên cạnh đó, do việc kiểm tra giám sát chưa chắc chắn của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, cùng với việc một số nơi Công ty hạ tầng KCN chưa làm hết chức năng nhiệm vụ của mình, việc kiểm soát chưa chặt chẽ dẫn đến KCN phát triển thiếu đồng bộ, đặc biệt là các công trình xử lý nước thải.

*Thứ ba*, một số địa phương chưa tích cực, chủ động trong công tác thanh tra, kiểm tra các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.

*Thứ tư*, hiện nay chúng ta chưa có thiết bị để thu mẫu và phân tích mùi hôi cũng như chưa có ban hành ngưỡng về mùi hôi thối, do đó quy định xử phạt về hành vi thải mùi hôi thối khó chịu vào môi trường là không khả thi vì chưa có đủ cơ sở pháp lý...

*Thứ năm*, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật môi trường còn nhiều hạn chế, nên doanh nghiệp còn thiếu nhiều thông tin về môi trường nên không biết được trong trường hợp này mình làm đúng hay sai, quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện pháp luật môi trường là như thế nào.

### **3.3 Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An.**

#### **3.3.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường**

Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả của thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực tế hiện nay hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, còn thiếu nhiều quy định pháp luật quan trọng, nhiều quy định pháp luật môi trường tính khả thi chưa cao. Các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các cơ quan chuyên môn về môi trường chưa cụ thể và chưa đầy đủ... Để thực hiện pháp luật môi trường đạt hiệu quả thì cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật môi trường, trước mắt cần quan tâm giải quyết các khó khăn bất cập trong công tác xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường với những nội dung chính sau:

- Tại Điểm d, Khoản 1, Điều 11 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt đối với hành vi “không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận” nhưng không quy định hình thức phạt bổ sung là buộc đình chỉ hoạt động gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương. Vì trong thực tế tại địa phương có khá nhiều các cơ sở nhỏ lẻ của hộ gia đình cá nhân hoạt động không phù hợp với quy hoạch, không chủ trương đầu tư, nằm xen lẫn trong khu cụm tuyến dân cư hoạt động gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của người dân. Việc xử phạt đối với trường hợp này không có quy định hình thức xử phạt bổ sung là đình

chỉ hoạt động, dẫn đến các cơ sở sau khi bị xử phạt vẫn tiếp tục hoạt động, gây bức xúc trong dư luận nhân dân.

- Tại Điểm b, Khoản 1; Điểm b, Khoản 2; Điểm b, Khoản 3, Điểm b, Khoản 4; Điểm b, Khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định xử phạt về hành vi “Hành vi để phát tán khí độc ra môi trường”. Tuy nhiên trong thực tế, có nhiều trường hợp một số tổ chức, cá nhân hoạt động có phát sinh khí thải nhưng không thực hiện thu gom, xử lý để phát tán tự nhiên trong khuôn viên nhà xưởng sản xuất sau đó phát tán ra môi trường xung quanh, không có vị trí lấy mẫu khí thải nên không có căn cứ để xác định các loại khí thải phát sinh có kèm các loại khí độc hay không, từ đó không đủ cơ sở pháp lý để xử phạt vi phạm hành chính.

- Tại Điểm c, Khoản 1; Điểm c, Khoản 2; Điểm c, Khoản 3; Điểm c, Khoản 4; Điểm c, Khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt đối với hành vi “không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật” đối với trường hợp không có hồ sơ môi trường là rất khó áp dụng trên thực tế. Lý do: Để có thể đánh giá hệ thống xử lý có đạt quy chuẩn kỹ thuật hay không thì phải tiến hành lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải để đánh giá. Tuy nhiên, trong thực tế có một số trường hợp tổ chức, cá nhân hoạt động không có hồ sơ môi trường, cố tình không thực hiện việc thu gom nước thải, khí thải để xử lý mà để khí thải phát tán tự nhiên trong khuôn viên nhà xưởng, xả nước thải tràn lan trong khuôn viên, không có điểm xả thải cố định để cơ quan thanh tra, kiểm tra tiến hành lấy mẫu phân tích, đánh giá nên không có cơ sở để xử phạt đối với hành vi trên.

- Khoản 1, Điều 15 và Khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định xử phạt hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi “thải mùi hôi thối vào môi trường” và hành vi “phát tán hóa chất, hơi dung môi hữu cơ gây mùi đặc trưng” là còn quá nhẹ. Ngoài ra, đối với các hành vi này không quy định hình thức phạt bổ sung là “buộc đình chỉ hoạt động” nên chưa đủ sức răn đe. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành quy chuẩn và quy định hướng dẫn về việc xác định mùi hôi thối nên chưa có cơ sở pháp lý cho xử phạt vi phạm hành chính.

Trong thực tế, có rất nhiều cơ sở hoạt động sản xuất phát tán mùi hôi thối khó chịu và mùi đặc trưng của hóa chất và hơi dung môi nồng nặc gây khó thở cho người dân xung quanh với bán kính ảnh hưởng lên đến vài km trong khoảng thời gian dài nhưng không có giải pháp xử lý và khắc phục làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân, người dân bức xúc khiếu nại nhưng không có cơ sở và chế tài để xử lý.

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không có quy định việc áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện, nước đối với tổ chức, cá nhân vi phạm được áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là “buộc đình chỉ hoạt động”, gây khó khăn trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Từ đó, đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là buộc đình chỉ hoạt động không có tính khả thi cao trong thực tế.

**\* Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường:**

+ Bổ sung thêm hình thức xử phạt bổ sung là “buộc đình chỉ hoạt động” đối với hành vi vi phạm của các cơ sở nhỏ lẻ của hộ gia đình cá nhân hoạt động không phù hợp với chủ trương quy hoạch. Ưu điểm của giải pháp này là mang tính răn đe cao buộc đối tượng ngưng ngay việc sản xuất. Vì mức phạt dành cho đối tượng này cũng không cao nên họ thường bất chấp chịu đóng phạt để tồn tại.

+ Tăng nặng án phạt với các hành vi không có hệ thống xử lý chất thải, không có hệ thống thu gom xả thải tràn lan trong khuôn viên, không có điểm xả thải cố định gây khó khăn cho việc tiến hành kiểm tra, lấy mẫu của cán bộ.

+ Bổ sung hình thức xử phạt đối với hành vi “không thực hiện giám sát môi trường định kỳ” vào Khoản 7, Điều 12 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP đối với những hồ sơ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận, phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường để làm cơ sở xử phạt nếu có hành vi vi phạm trong trường hợp này.

+ Bổ sung thêm biện pháp áp dụng ngừng cung cấp điện, nước để tiến hành cưỡng chế thi hành đối với hình thức xử phạt bổ sung là “buộc đình chỉ hoạt động” trong xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường. Biện pháp này đã được áp dụng rộng rãi và cả Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vẫn chưa được áp dụng tại Long An. Ưu điểm này là tạm ngưng hoàn toàn hoạt động sai phạm nhanh nhất mà không cần các giai đoạn thủ tục pháp lý. Hơn nữa có một số doanh nghiệp đã bị đình chỉ hoạt động nhưng vẫn lén lút sản xuất. Hạn chế phải phối hợp nhiều phòng ban có chức năng tham gia.

+ Cần ban hành văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về mùi hôi thối. Ưu điểm có cơ sở xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm. Hạn chế là việc ban hành một quy chuẩn cần phải có nhiều thời gian nghiên cứu, trao đổi giữa các đơn vị có chức trách.

+ Quy định xử lý các hành vi chống đối, cản trở thực hiện các kết luận của cơ quan chuyên môn về môi trường đặc biệt là kết luận của thanh tra môi trường. Ưu điểm là việc thanh tra kiểm tra sẽ tiến hành thuận lợi và nhanh chóng hơn.

### **-3.5.3. Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp**

Từ thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Long An cho thấy hạn chế của việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường là ý thức bảo vệ môi trường của các chủ thể thực hiện pháp luật ở các doanh nghiệp chưa đầy đủ, sâu sắc. Do đó, để bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thực sự có hiệu quả, giải pháp đầu tiên là phải nâng cao ý thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa thi hành pháp luật bảo vệ môi trường của các các doanh nghiệp, đồng thời tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường. Bởi bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của toàn xã hội. Chính vì vậy công tác quan trọng là tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho mọi người dân, cộng đồng và doanh nghiệp. Muốn nâng cao nhận thức của các chủ thể trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường là phải làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục pháp luật môi trường để các chủ thể có được tương đối đầy đủ các thông tin về môi trường, pháp luật

về môi trường; từ đó chủ động trong việc phòng ngừa ô nhiễm và xử lý ô nhiễm trong quá trình sản xuất.

Việc chấp hành nghiêm túc pháp luật về bảo vệ môi trường phải được thực hiện ngay từ khâu xây dựng và phê duyệt các dự án đầu tư; không cho các dự án đầu tư sản xuất có khả năng gây ô nhiễm cao; không đưa vào vận hành các nhà máy sản xuất chưa đáp ứng đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường. Do vậy, việc nâng cao ý thức đối với những người hoạch định chính sách, những cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

#### **3.5.4. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hành chính**

Để bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh có hiệu quả thì việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đây là giải pháp bảo đảm cho pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện có hiệu quả.

Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý môi trường của tỉnh cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật. Bởi việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phần lớn còn chưa chấp hành nghiêm túc, còn cố tình lợi dụng những kẽ hở của pháp luật và bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi mong muốn của mình gây ô nhiễm môi trường. Cùng với việc kiểm tra là hoạt động giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường để có thể phát hiện ra những yếu kém, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh để có những biện pháp nhằm bảo đảm sự tôn trọng và thực hiện pháp luật của các chủ thể thực hiện pháp luật.

#### **3.5.5. Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ xanh đảm bảo cho phát triển bền vững**

Để cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường cần triển khai đồng bộ mọi nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, nhằm khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; ứng dụng và phát triển công nghệ

sạch, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xây dựng các mô hình về sản xuất sạch hơn.

### **3.5.6. Quy định về trách nhiệm dân sự**

Cần phải quy định một cách đầy đủ và có hệ thống các loại trách nhiệm dân sự có thể áp dụng trong lĩnh vực môi trường để tạo điều kiện thuận lợi và cơ sở cho việc áp dụng. Quy định chi tiết các quy phạm làm cơ sở cho việc xác định thiệt hại môi trường - yếu tố cơ bản và quan trọng trong việc xác định trách nhiệm môi trường.

Có thể thấy vướng mắc trong việc xác định trách nhiệm nhiều chủ thể cùng gây hại. Chẳng hạn, như đối với một khu công nghiệp, chất thải của một nhà máy vào môi trường được xác định là không vượt tiêu chuẩn cho phép. Nhưng chất thải của nhiều nhà máy gộp lại sẽ làm cho nồng độ các chất thải độc hại vào không khí, chất độc thải vào nguồn nước cao hơn nhiều so với mức độ cho phép. Vậy trên thực tế, tuy chưa có hành vi vi phạm pháp luật môi trường đối với từng chủ thể nhưng đã có thiệt hại xảy ra. Trong trường hợp này, có thể yêu cầu tất cả các nhà máy đều phải chịu trách nhiệm dân sự không. Để xác định một cách tương đối chuẩn xác và đầy đủ các thiệt hại môi trường thông lệ và kinh nghiệm quốc tế cho thấy cần phải dựa trên nhiều phương pháp khác nhau phù hợp với tính chất và mức độ thiệt hại.

Cần có các quy định nhằm giải quyết vấn đề xung đột luật trong trường hợp trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Chúng ta đều biết nhiều sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường xảy ra có hiệu quả và ảnh hưởng rất lớn trong một phạm vi riêng. Thiệt hại mà nó gây ra đôi khi không chỉ đối với một quốc gia mà cả một khu vực. Chính vì thế, vấn đề bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của riêng một quốc gia nào mà vấn đề quốc tế. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng có điều ước quốc tế để áp dụng điều chỉnh những trường hợp như thế. Vì vậy, quy định luật xung đột là rất cần thiết nhằm giải quyết các quan hệ về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường có yếu tố nước ngoài.



## KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở xác định tính cấp thiết của đề tài *“Thực trạng và giải pháp về công tác bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Long An”*, đề án tốt nghiệp đã đánh giá được thực trạng công tác quản lý nhà nước cũng như thực trạng môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh; chỉ ra được những tồn tại hạn chế xuất phát từ những bất cập trong công tác quản lý Nhà nước của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, làm rõ những tồn tại hạn chế trong việc tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp tại các KCN .

Trên cơ sở xác định những nguyên nhân của các tồn tại hạn chế là do hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện; ý thức pháp luật của các chủ thể thi hành pháp luật chưa cao; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường chưa được coi trọng và chưa hiệu quả. Bên cạnh đó còn do sự quan tâm chưa đúng mức của chính quyền địa phương cho hoạt động này. Để khắc phục những hạn chế trên cần phải thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản như: Trong tình hình hiện nay thì việc cần nhất là phải có một hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường đồng bộ và hiệu quả để kịp thời điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong quá trình khai thác, sử dụng và tác động đến môi trường. Mặt khác phải tăng cường tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp. Giải pháp quan trọng trước mắt là phải có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đặc biệt là sự đầu tư về kinh phí; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn về môi trường.

Thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả những giải pháp cơ bản trên sẽ góp phần vào việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Long An, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, để cho Long An trở thành tỉnh có môi trường xanh, sạch và đẹp, cùng cả nước đi lên trong quá trình phát triển./.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Bảo vệ Môi trường, Quốc hội, số 55/2014/QH13, năm 2014.
2. Luật Thanh tra 2010, Quốc Hội, số 56/2010/QH12, năm 2010.
3. Tham khảo từ internet  
[http://www.thanhtra.gov.vn/ct/news/Lists/ThongBao/View\\_Detail.aspx?ItemID=225](http://www.thanhtra.gov.vn/ct/news/Lists/ThongBao/View_Detail.aspx?ItemID=225)
4. Luật xử lý vi phạm hành chính, Quốc hội, số 15/2012/QH13, năm 2012.
5. Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, năm 2016.
6. Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, năm 2015.
7. Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ, học tập trung làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, năm 2016.
8. Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, năm 2015.
9. Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Long An, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2017, năm 2017.
10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An, năm 2018.
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh năm 2018, năm 2018.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 06 tháng đầu năm 2019, năm 2019.
13. Thông tư Số: 05/2014/TT-TTCP, Thanh tra chính phủ, quy định về tổ chức hoạt động, quan hệ công tác của đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra, năm 2014.
14. Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý và vi phạm hành chính, năm 2013.
15. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP, Chính phủ, quy định về chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, năm 2015.
16. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, Chính phủ, quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, năm 2015.
17. Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, Chính phủ, quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường, năm 2019.
18. Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, năm 2009.
19. Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, năm 2011.
20. Thông tư số 08/2014/TT-TTCP, Thanh tra chính phủ, quy định thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, năm 2014.
21. Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, năm 2015.

19. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, Báo cáo giám sát phục vụ cho Đoàn giám sát của Ủy ban khoa học công nghệ và môi trường của Quốc hội năm 2018 về việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn tỉnh Long An, năm 2018.

19. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, Báo cáo kết quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2015-2018, năm 2018.

20. Hoàng Văn Tuân, “Quản Lý Nhà Nước Về Môi Trường Trên Địa Bàn Tỉnh Quảng Bình”, Khóa luận tốt nghiệp, năm 2017.

